

明
道
家
訓

MINH ĐẠO GIA HUẤN

THAY LỜI TỰA

“Minh Đạo Gia Huấn” 明道家訓 là cuốn sách giáo khoa thời xưa đã được lưu hành ở nước ta qua nhiều thế hệ và đã thấm sâu vào tiềm thức của mọi tầng lớp từ dân gian đến các bậc tri thức. Đặc biệt là với các nhà nho thì Minh Đạo Gia Huấn là một cuốn sách gối đầu giường.

Theo tựa đề, Minh nghĩa là *sáng, làm sáng tỏ*, Đạo nghĩa là *đường lối, đạo lý*, Gia nghĩa là *nhà, mỗi nhà, mọi nhà*, Huấn nghĩa là *dạy bảo*. Vậy Minh Đạo Gia Huấn được hiểu là “*Dạy mọi người hiểu rõ lẽ sống, thấm nhuần đạo lý làm người*”, và có thể dịch vừa đơn giản mà ý nghĩa là “*Dạy Đạo Làm Người*”.

Sách có nội dung truyền bá đạo đức làm người trong xã hội, toàn là những lời cổ thánh tiên hiền dạy cách tu thân xử thế, luân thường đạo lý, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, trung với nước, hiếu với cha mẹ tổ tiên, cần cù lao động, tôn sư trọng đạo, siêng năng học tập, cầu tiến bộ, biết bao dung, vị tha... Chẳng phải riêng dạy trẻ, mà dạy tất cả mọi người, mọi tầng lớp. Thực là một cuốn sách có giá trị tinh thần vô giá.

Về xuất xứ của cuốn sách, cho đến nay đang tồn tại nhiều giả thiết khác nhau. Có giả thiết cho rằng

sách được biên soạn bởi một bậc đại nho thời Bắc Tống là ông Trình Hạo (hiệu Minh Đạo). Vì theo cách hiểu tựa đề sách Minh Đạo Gia Huấn nghĩa là “*Sách dạy trong nhà của Minh Đạo*”. Cũng có thuyết cho rằng, trước tiên do ông Trình Hạo soạn, sau khi ông mất thì người em là ông Trình Di (hiệu Y Xuyên) viết tiếp. Và còn có giả thiết cho rằng tác giả là ông Trình Di.

Nếu căn cứ vào nội dung và ngôn ngữ thì ta thấy có nhiều câu trong sách có thể được tập hợp từ Minh Tâm Bảo Giám, là trước thuật biên tập đầu thời Minh, nên chắc chắn sách không phải xuất hiện vào thời Tống. Và quan trọng là: với một cuốn sách giá trị như thế, nếu được soạn bởi các danh nho Trung Quốc thì chắc chắn phải được truyền bá tại Trung Quốc và các nước học chữ Hán, nhưng tuyệt nhiên trên các nguồn thông tin mạng nước ngoài không tìm thấy tựa đề cũng như nội dung 明道家訓 (Minh Đạo Gia Huấn) xuất hiện, mà chỉ tìm thấy trên nguồn Viện nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Quốc gia Việt Nam và các nguồn khác tại nước ta. Những điều này cho thấy Minh Đạo Gia Huấn là tác phẩm của người Việt Nam, đây là niềm tự hào dân tộc về nền văn học nước nhà. Còn soạn giả là ai? và biên soạn vào thời gian nào? hiện vẫn chưa tìm được câu trả lời chính xác.

Sách được biên soạn theo thể thơ mỗi câu bốn chữ, nhiều câu đã trở thành những cách ngôn được

truyền tụng. Tác giả soạn theo phương pháp vừa tự sáng tác vừa tập hợp nguyên câu, hoặc chỉnh lý, hoặc tập hợp theo ý nghĩa của câu văn từ nhiều cổ tịch trong các sách Nho giáo, Đạo giáo. Nhưng hiện nay, bản gốc sách này không còn, các tài liệu từ sách cổ được khắc in và chép tay cho đến các sách mới, mỗi bản không hoàn toàn giống nhau về nội dung, nên có nhiều dị bản, ít nhiều đều có những điểm khác nhau, và hầu như không được hoàn chỉnh trong một số cặp câu.

Với giá trị của Minh Đạo Gia Huấn, một cuốn sách quý và cũng là một di sản văn hóa của người xưa đã từng được truyền bá phổ biến khắp nơi. Nay với tâm nguyện mong muốn được góp phần quảng bá và phát hành rộng rãi Minh Đạo Gia Huấn hơn nữa, nên mùa đông năm Đinh Dậu 2017, đệ tử so sánh các Hán bản, từ những chỗ dị biệt, chọn lấy những câu ý nghĩa nhất, qua nhiều lần chỉnh lý, hội tập thành một bản mới gồm 510 câu, mang nội dung bao hàm các dị bản, gọi là Hội Bản.

Nội dung sách gồm hai phần kết hợp:

- Phần trước dịch chữ quốc ngữ, trong mỗi trang gồm: Phía trên là chữ Hán có phiên âm và dịch nghĩa đến từng chữ theo lối dịch xưa, tiếp theo là dịch ý nghĩa từng câu theo nghĩa đương đại. Phía dưới là bản dịch văn vần của cụ Đoàn Như Khuê (1883 – 1957),

một bậc túc nho với bút hiệu là Hải Nam, cụ dịch trước năm 1952, bản dịch văn vần này từng được dùng làm sách giáo khoa.

- Phần sau là riêng bản chữ Hán của Hội Bản, sắp chữ hàng dọc, mỗi hàng hai câu, đọc từ phải sang trái như sách xưa, rất tiện lợi cho người học Hán văn.

Minh Đạo Gia Huấn đến nay vẫn còn nguyên giá trị hướng con người luôn giữ tính bản thiện. Nếu người người đều học và thực hành theo lời dạy trong sách thì nhất định nhà nhà được hạnh phúc, đất nước phồn vinh, thế giới hòa bình và khắp cõi nhân sinh an lạc.

Xin thành kính tri ân soạn giả cùng các thế hệ tiền nhân đã có công biên soạn, gìn giữ, lưu truyền sách quý cho hậu thế. Trân trọng giới thiệu Minh Đạo Gia Huấn [Hội Bản] tới quý vị khắp muôn nơi.

Ngày lành mùa Xuân năm Kỷ Hợi 2019

Đệ tử Học Phật kính ghi!

明道家訓

傳

TRUYỀN

家

GIA

萬

VẠN

事

SỰ

皆

GIAI

由

DO

忍

NHẪN

MINH ĐẠO GIA HUẤN

[Hội Bản]

Bảo ban nhà cửa muôn điều đều phải
NHƯỜNG NHỊN

Dạy dỗ cháu con nghìn cách không ngoài
SIÊNG NĂNG

教

GIÁO

子

TỬ

千

THIÊN

方

PHƯƠNG

不

BẤT

外

NGOẠI

勤

CẦN



MINH ĐẠO GIA HUẤN [Hội Bản]

Hội tập Hán văn từ các bản sách xưa
Dịch thơ: Hải Nam - Đoàn Như Khuê

Ngày lành mùa Đông năm Đinh Dậu 2017
Cư sĩ Nguyễn Văn Quyền (Đệ tử Học Phật)
Cung kính soạn thuật

人生百藝

Nhân sinh bách nghệ,
NGƯỜI SỐNG TRĂM NGHỀ
Cuộc sống có hàng trăm nghề,

文學為先

Văn học vi tiên.
VĂN HỌC LÀM TRƯỚC
Phải lấy việc học làm đầu.

儒士是珍

Nho sĩ thị trân,
NHO SĨ LÀ TRỌNG
Người có học vấn là người đáng trân trọng,

詩書是寶

Thi thư thị bảo.
THƠ SÁCH LÀ QUÝ
Kiến thức trong sách là thứ đáng trân quý.

**Người ta có đủ trăm nghề,
Lấy nghề văn học làm nghề đầu tiên.
Quý thay những bậc nho hiền,
Báu thay sách vở lưu truyền xưa nay.**

古者聖賢

Cổ **giả** **thánh** **hiền,**
XƯA ẤY THÁNH HIỀN

Các bậc thánh nhân hiền triết xưa,

易子而教

Dịch **tử** **nhì** **giáo,**
ĐỔI CON MÀ DẠY

Trao đổi con cho nhau mà dạy, con mới nên người,

德行純和

Đức **hạnh** **thuần** **hòa,**
ĐỨC HẠNH THUẦN HÒA

Những người đức hạnh, thành thực, ôn hòa,

擇為師友

Trạch **vi** **sư** **hữu.**
CHỌN LÀM THẦY BẠN

Đáng chọn làm thầy làm bạn, để học để noi theo.

**Bậc hiền thánh xem ngay trong sách,
Khéo dạy con tìm cách đổi thay,
Đón làm bạn, rước làm thầy,
Chọn người có đức hạnh hay thuần hòa.**

養 而 不 教

Dưỡng nhi bất giáo,
NUÔI MÀ CHẲNG DẠY

Nuôi con mà không dạy đến nơi đến chốn,

乃 父 之 過

Nãi phụ chi quá.
LÀ CHA CHUNG LỖI

Là lỗi của cha mẹ [thiếu trách nhiệm].

教 而 不 嚴

Giáo nhi bất nghiêm,
DẠY MÀ KHÔNG NGHIÊM

Dạy học trò không nghiêm,

乃 師 之 惰

Nãi sư chi nọa.
LÀ THẦY CHUNG LƯỜI

Là thầy cô lười biếng [thiếu nhiệt tâm].

Có con cái, nuôi mà không dạy,
Lỗi tại ai? Lỗi ấy tại cha.
Dạy không nghiêm nghị nét na,
Biếng lười lỗi ấy xem ra tại thầy.

學 問 不 勤

Học vấn bất cần,
HỌC HỎI CHẴNG SIÊNG

Học hành không siêng năng chăm chỉ,

乃 子 之 惡

Nãi tử chi ác.
LÀ CON CHUNG TỘI

Là tội lỗi của con [thiếu ý chí nghị lực].

後 從 先 覺

Hậu tòng tiên giác,
SAU THEO TRƯỚC BIẾT

Người sau học hỏi theo người am hiểu trước,

鑑 古 知 今

Giám cổ tri kim.
SOI XƯA BIẾT NAY

Soi xét việc đời xưa để biết việc đời nay.

Sự học vấn đêm ngày biếng nhác,
Hẳn tại con tội ác đó thôi.

4

Việc sau lấy trước mà coi,
Đem gương dĩ vãng mà soi hiện thì.

學有三心

Học hữu tam tâm,
HỌC CÓ BA ĐIỀU
Việc học có ba điều cốt yếu,

不可失一

Bất khả thất nhất:
KHÔNG THỂ MẤT MỘT
Không thể thiếu mất một:

父母厚寔

Phụ mẫu hậu thực,
CHA MẸ HIỀN THẬT
Cha mẹ phúc hậu thật thà, luôn quan tâm chăm lo cho con, (1)

子學勤敏

Tử học cần mẫn,
CON HỌC SIÈNG GẮNG
Bản thân con phải cố gắng chăm chỉ học hành, (2)

嚴師作成

Nghiêm sư tác thành.
THẦY NGHIÊM LÀM NÊN
Thầy cô nghiêm nghị tâm huyết, dạy học trò nên người. (3)

人有三情

Nhân hữu tam tình,
NGƯỜI CÓ BA TÌNH

Người ta có ba ân tình,

可事如一

Khả sự như nhất:
NÊN THỜ NHƯ MỘT

Phải tôn thờ như một:

非父不生

Phi phụ bất sinh,
KHÔNG CHA CHẲNG SINH

Không có cha mẹ thì chẳng ai sinh ra mình, (1)

非君不榮

Phi quân bất vinh,
KHÔNG VUA CHẲNG VINH

Không có vua (*Tổ quốc*) thì chẳng được vinh quang, (2)

非師不成

Phi sư bất thành.
KHÔNG THẦY CHẲNG NÊN

Không có thầy thì chẳng thể làm nên. (3)



5

Học có những điều gì then chốt?
Có ba điều thiếu một sao nên,
Mẹ cha phúc hậu thảo hiền,
Thầy chăm dạy dỗ, con siêng học hành.

6

Lại còn có ba tình ân ái,
Phụng thờ chung mà phải kính chung,
Cha sinh nghĩa nặng nghìn trùng,
Vua ơn vinh hiển, thầy công tác thành.

有道德者

Hữu đạo đức giả,
CÓ ĐẠO ĐỨC ẤY

Ông cha sống đạo đức lương thiện,

子孫聰明

Tử tôn thông minh;
CON CHÁU THÔNG SÁNG

Sinh ra con cháu thông minh sáng láng;

無道德者

Vô đạo đức giả,
KHÔNG ĐẠO ĐỨC ẤY

Ông cha sống vô đức bất lương,

子孫愚昧

Tử tôn ngu muội.
CON CHÁU NGU TỐI

Sinh ra con cháu ngu si tăm tối.

Nhà đạo đức hiền lành phúc hậu,
Sinh ra con, ra cháu thông minh,
Nhà không phúc hậu hiền lành,
Sinh ra con cháu dễ thành ngu si.

養男不教

Dưỡng nam bất giáo,
NUÔI TRAI KHÔNG DẠY
Nuôi con trai mà không dạy,

不如養驢

Bất như dưỡng lư;
CHẲNG BẰNG NUÔI LỪA
Chẳng bằng nuôi con lừa;

養女不教

Dưỡng nữ bất giáo,
NUÔI GÁI KHÔNG DẠY
Nuôi con gái mà không dạy,

不如養猪

Bất như dưỡng trư.
CHẲNG BẰNG NUÔI LỢN
Chẳng bằng nuôi con lợn.

Nuôi con trai không hề dạy dỗ,
Nuôi con lừa còn có ích hơn;
Gái không dạy khéo, dạy khôn,
Nuôi con lợn béo bán buôn còn lời.

訓導之初

Huấn đạo chi sơ,
DẠY BẢO KHI ĐẦU

Việc dạy trẻ lúc ban đầu,

先取禮法

Tiên thủ lễ pháp,
TRƯỚC LẤY LỄ PHÉP

Trước hết phải dạy lễ phép,

不知問答

Bất tri vấn đáp,
KHÔNG BIẾT HỎI ĐÁP

Chẳng biết nói năng thưa gửi,

是為愚粗

Thị vi ngu thô.
ẤY LÀ NGU VỤNG

Đó là đứa ngu dốt vụng về.

Sự giáo huấn người đời cần thiết,
Buổi đầu nên chẳng biết lễ nghi,
Nói thưa chẳng biết điều gì,
Là phường thô mǎng ngu si kém hèn.

不教而善

Bất giáo nhi thiện,
KHÔNG DẠY MÀ GIỎI

Không được dạy mà tự thông hiểu,

非聖而何

Phi thánh nhi hà?
CHẲNG THÁNH MÀ SAO

Chẳng phải là bậc thánh hay sao? (THÁNH)

教而後善

Giáo nhi hậu thiện,
DẠY MÀ SAU GIỎI

Được dạy rồi thông hiểu,

非賢而何

Phi hiền nhi hà?
CHẲNG HIỀN MÀ SAO

Chẳng phải là người hiền hay sao? (HIỀN)

Chẳng dạy bảo tự nhiên hiểu biết,
Thánh sinh tri hơn hết trên đời,
Dạy mà nên đức nên tài,
Bậc người đáng gọi là người hiền nhân.

教 亦 不 善

Giáo diệc bất thiện,

DẠY CŨNG CHẲNG GIỎI

Dạy cũng chẳng giỏi,

非 愚 而 何

Phi ngu nhi hà?

CHẲNG NGU MÀ SAO

Chẳng phải là loại ngu dốt hay sao? (NGU)

困 而 知 之

Khốn nhi tri chi,

KHÓ MÀ BIẾT ĐẤY

Gặp vấn đề khó khăn khúc mắc mà biết tìm ra cách giải quyết,

非 智 而 何

Phi trí nhi hà?

CHẲNG TRÍ MÀ SAO

Chẳng phải là người có trí khôn ngoan hay sao? (TRÍ)

Còn dạy cứ chần chần ra đây,

Chính hạ ngu hạng ấy kể gì,

Có người chịu khốn nhi tri,

Dẫu không hiền thánh, cũng thì khôn ngoan.

有 田 不 耕

Hữu điền bất canh,
CÓ RUỘNG CHẲNG CÀY
Có ruộng bỏ hoang chẳng cấy cày,

倉 廩 空 虛

Thương lẫm không hư;
KHO ĐỤN TRỐNG RỎNG
Kho lương thực trống rỗng, thóc gạo thiếu thốn;

有 書 不 教

Hữu thư bất giáo,
CÓ SÁCH CHẲNG DẠY
Có sách hay mà không dạy,

子 孫 頑 愚

Tử tôn ngoan ngu.
CON CHÁU NGU DỐT
Con cháu sẽ ngu xuẩn dốt nát.

Có ruộng chẳng lo toan cấy cày,
Kho đụn kia bỗng thấy không hư,
Trong nhà có sách để thờ,
Trí khôn con cháu bao giờ mở mang.

倉廩空兮

Thương lẫm không hề,
KHO ĐỰNG TRỐNG VẬY
Kho lương thực mà trống rỗng,

歲時乏食

Tuế thì phạp thực;
NĂM MÙA THIẾU ĂN
Thì quanh năm đói kém thiếu ăn;

子孫愚兮

Tử tôn ngu hề,
CON CHÁU NGU VẬY
Con cháu mà ngu dốt,

禮義全無

Lễ nghĩa toàn vô.
LỄ NGHĨA ĐỀU KHÔNG
Thì chẳng biết phép tắc lễ phải.

Kho rỗng tuếch, cơ hàn trông thấy,
Đổi tháng ngày thóc lấy đầu ra,
Con ngu cháu ngốc một nhà,
Còn gì văn pháp gọi là lễ nghi.

凡人學

Phàm nhân bất học,
HẺ NGƯỜI CHẲNG HỌC
Người mà không có học,

冥如夜行

Minh như dạ hành,
MỜ NHƯ ĐÊM ĐI
Đầu óc sẽ mờ mịt như đi trong đêm tối,

聽詩如聾

Thính thi như tủng,
NGHE THƠ NHƯ ĐIẾC
Nghe thơ như bị điếc, chẳng hiểu gì,

望字如盲

Vọng tự như manh.
TRÔNG CHỮ NHƯ MÙ
Nhìn chữ như bị mù, chẳng biết gì.

Người chẳng học nhiều bề chịu thiệt,
Như ban đêm mờ mịt mà đi,
Sách nghe điếc chẳng thấy chi,
Chữ trông mù tịt khác gì thong manh.

幼 而 勤 學

Ấu nhi cần học,
NHỎ MÀ CHĂM HỌC

Lúc nhỏ tuổi chăm chỉ học tập,

長 則 施 行

Trưởng tắc thi hành,
LỚN THỜI THI HÀNH

Khi lớn lên mới có kiến thức để làm việc,

正 心 修 身

Chính tâm tu thân,
NGAY TÂM SỬA MÌNH

Giữ tâm lòng ngay thẳng, sửa mình rèn đức luyện tài,

齊 家 治 國

Tề gia trị quốc.
YÊN NHÀ TRỊ NƯỚC

Trong có thể lo liệu việc nhà, ngoài có thể quản lý việc nước.

Ngày còn bé học hành mãi miết,
Lớn đem ra công việc thi hành,
Ngay lòng rồi đến sửa mình,
Tề gia rồi đến trị bình suy ra.

士 修 於 家

Sĩ tu ư gia,
SĨ SỬA CHUNG NHÀ

Học trò rèn giũa ở nhà cho giỏi,

自 升 於 國

Tự thăng ư quốc,
TỰ LÊN CHUNG NƯỚC

Tự phấn đấu thành tài sẽ nổi danh khắp nước,

科 目 朝 爵

Khoa mục triều tước,
KHOA MỤC TRIỀU TƯỚC

Những người thi cử đỗ đạt, có địa vị trong xã hội,

有 讀 書 人

Hữu độc thư nhân.
CÓ ĐỌC SÁCH NGƯỜI

Vốn đều là những người có học.

Học trò sửa tự nhà mình trước,
Rồi đến làng đến nước dần dần,
Trong triều mũ áo đai cân,
Nhiều người đọc sách dự phần ở trong.

貧 而 勤 學

Bần nhi cần học,
NGHÈO MÀ CHĂM HỌC

Nhà nghèo mà chăm chỉ học hành,

可 以 立 身

Khả dĩ lập thân;
KHÁ LẤY DỰNG MÌNH

Có thể lập thân, gây dựng sự nghiệp;

富 而 勤 學

Phú nhi cần học,
GIÀU MÀ CHĂM HỌC

Nhà giàu mà chăm chỉ học hành,

益 榮 其 名

Ích vinh kỳ danh.
CÀNG VANG THỪA TIẾNG

Thanh danh càng được vẻ vang.

**Nghèo chăm học chóng mau thành lập,
Giàu mà chăm, vang khắp thanh danh,**

開卷有益

Khai quyển hữu ích,
MỞ SÁCH CÓ ÍCH
Mở quyển sách ra đọc sẽ có ích,

志者竟成

Chí giả cánh thành.
CHÍ ẤY TRỌN NÊN
Người có chí sẽ làm nên.

博學廣問

Bác học quảng vấn,
RỘNG HỌC RỘNG HỎI
Học hỏi càng nhiều,

其智益明

Kỳ trí ích minh.
THỪA TRÍ CÀNG SÁNG
Trí tuệ càng sáng suốt.

**Ích gì bằng sự học hành,
Có câu “hữu chí cánh thành” xưa nay.**

16

**Sự học vấn càng ngày rộng rãi,
Trí não mình sáng mãi thêm ra,**

不 恥 下 問

Bất sỉ hạ vấn,
KHÔNG THEN DƯỚI HỎI

Không hổ thẹn khi học hỏi người dưới,

義 理 益 精

Nghĩa lý ích tinh.
NGHĨA LÝ CÀNG TINH

Nghĩa lý càng tinh thông.

獨 學 無 友

Độc học vô hữu,
RIÊNG HỌC KHÔNG BẠN

Học một mình không có bạn,

孤 陋 寡 聞

Cô lậu quả văn.
NÔNG CẠN ÍT NGHE

Kiến thức sẽ nông cạn hẹp hòi.

Then gì hỏi kẻ dưới ta,
Hỏi nhiều, nghĩa lý dần dà càng tinh,
Nếu mình chỉ cậy mình là giỏi,
Chẳng bạn bè trợ trợ một mình,
Còn ai khuyên nhủ điều lành,
Kiến văn cô lậu, học hành ra chi.

人有五倫

Nhân hữu ngũ luân,
NGƯỜI CÓ NĂM LUÂN

Người đời có năm mối quan hệ [vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em, bè - bạn] gọi là “ngũ luân”, (ngày nay hiểu theo nghĩa: vua là Tổ Quốc, Nhà Nước, tôi là công dân)

綱常為首

Cương thường vi thủ,
CƯƠNG THƯỜNG LÀM ĐẦU

Trong đó, ba mối quan hệ [vua - tôi, cha - con, chồng - vợ] gọi là “tam cương”, năm đức tính cơ bản của đạo làm người [nhân, nghĩa, lễ, trí, tín] gọi là “ngũ thường”, làm người phải giữ trọn đạo “cương thường”.

不知倫常

Bất tri luân thường,
KHÔNG BIẾT LUÂN THƯỜNG
Người mà không biết đạo lý luân thường,

何異禽獸

Hà dị cầm thú?
SAO KHÁC CẦM THÚ

Khác gì loài gia cầm thú vật?

**Người có những điều gì là quý,
Có năm điều luân lý đạo thường,
Người mà không biết luân thường,
Là loài chim chóc, là phường trâu dê.**

蜂 蟻 有 主

Phong nghĩ hữu chủ,
ONG KIẾN CÓ CHÚA
Loài ong loài kiến còn có chúa,

況 於 人 乎

Huống ư nhân hồ!
PHƯƠNG CHUNG NGƯỜI Ơ
Huống chi là loài người!

三 綱 九 疇

Tam cương cửu trù,
BA CƯƠNG CHÍN TRÙ
“Tam cương” cùng với “cửu trù”,
(Cửu trù là 9 khuôn phép trị nước thời cổ, cũng như Hiến Pháp Nhà Nước thời nay)

古 今 不 易

Cổ kim bất dịch.
XƯA NAY KHÔNG ĐỔI
Xưa nay không bao giờ thay đổi.

Xem ong kiến, kia kia vật nhỏ,
Đạo dưới trên còn có nữa người,
Cương trù đạo lý của trời,
Bất di bất dịch ở đời xưa nay.

為君止敬

Vi quân chỉ kính,
LÀM VUA CỐT KÍNH

Làm vua phải vồ về trọng dụng bề tôi, (KÍNH)
(Nay hiểu là: Nhà Nước phải biết trọng dụng nhân tài, chăm lo cho dân)

為臣止忠

Vi thần chỉ trung,
LÀM TÔI CỐT NGAY

Làm bề tôi phải dốc lòng làm tròn bốn phận, (TRUNG)
(Nay hiểu là: Làm công dân phải yêu nước, tuân thủ theo Hiến Pháp, Pháp Luật, sẵn sàng vì Tổ Quốc)

為父止慈

Vi phụ chỉ từ,
LÀM CHA CỐT HIỀN

Làm cha mẹ phải rất mực yêu thương con, (TỪ)

為子止孝

Vi tử chỉ hiếu,
LÀM CON CỐT HIẾU

Làm con phải hết lòng phụng dưỡng cha mẹ, (HIẾU)

**Vua ở kính, tôi nay phải đạo,
Cha yêu con, con hiếu với cha,**

為兄止愛

Vi huynh chỉ ái,
LÀM ANH CỐT YÊU

Làm anh chị phải yêu thương em, (ÁI)

為弟止恭

Vi đệ chỉ cung,
LÀM EM CỐT KÍNH

Làm em phải thật lòng kính trọng anh chị, (CUNG)

為夫止和

Vi phu chỉ hòa,
LÀM CHỒNG CỐT HÒA

Làm chồng phải hòa hợp, đồng cảm cùng vợ, (HÒA)

為婦止順

Vi phụ chỉ thuận,
LÀM VỢ CỐT THUẬN

Làm vợ phải thuận theo chồng, (THUẬN)

Vợ chồng trên dưới thuận hòa,
Anh em cung kính trong nhà thân yêu,

朋友止信

Bằng hữu chỉ tín,
BÈ BẠN CỐT TIN

Bạn bè phải thật tin nhau, (TÍN)

長幼止謙

Trưởng ấu chỉ khiêm,
LỚN NHỎ CỐT KHIÊM

Trên dưới, lớn nhỏ phải biết khiêm nhường, (KHIÊM)

鄉黨止和

Hương đảng chỉ hòa,
LÀNG XÓM CỐT HÒA

Làng xóm phải giữ hòa khí, (HÒA)

鄰旁止讓

Lân bàng chỉ nhượng.
XÓM BÊN CỐT NHƯỜNG

Hàng xóm bên cạnh phải nhường nhịn nhau. (NHƯỜNG)

Bạn bè phải giữ điều tín thực,
Lớn bé nên giữ mực nhún nhường,
Hòa vui trong họ ngoài làng,
Phải nhân nhượng cả lân bàng đôi nơi.

行者讓路

Hành giả nhường lộ,
ĐI ẤY NHƯỜNG ĐƯỜNG
Đi đường nhường bước,

耕者讓畔

Canh giả nhường bạn,
CÀY ẤY NHƯỜNG BỜ
Cày ruộng nhường bờ,

過闕則下

Quá khuyết tắc hạ,
QUA KHUYẾT THỜI XUỐNG

Qua cửa khuyết thì xuống xe xuống ngựa,
(Thời xưa, ở ngoài cửa cung, hai bên có lầu đài để nhìn ra xa, giữa có lối đi gọi là "khuyết".
Nay hiểu là cửa vào các cơ quan hành chính).

過廟則趨

Quá miếu tắc xu.
QUA MIẾU THỜI RẢO

Qua nơi đền miếu tôn nghiêm phải đi mau.

-
- 18 Đi đường phải nhường người bước trước,
Cày ruộng nên nhường nước nhường bờ,
Rảo chân qua chốn miếu thờ,
Ngựa qua cửa khuyết bao giờ xuống ngay.

出入起居

Xuất nhập khởi cư,
RA VÀO DÂY Ở

Những sinh hoạt hàng ngày, phong thái đi lại đứng ngồi,

非禮不整

Phi lễ bất chỉnh;
TRÁI LỄ KHÔNG CHỈNH

Sai phép tắc thì không được chỉnh tề;

言語飲食

Ngôn ngữ ẩm thực,
NÓI NĂNG UỐNG ĂN

Cách thức nói năng ăn uống,

非禮不肅

Phi lễ bất túc.
TRÁI LỄ KHÔNG NGHIÊM

Sai phép tắc thì không được nghiêm túc.

Lúc cư xử vào đây ra đó,
Chẳng lễ nghi sao có chỉnh tề,
Nói năng, ăn uống thường lễ,
Nếu không có lễ, kém bề nghiêm trang.

修身寡慾

Tu thân quả dục,
SỬA MÌNH ÍT HAM

Tự rèn giũa sửa mình, ít lòng ham muốn,

勤儉齊家

Cần kiệm tề gia,
SIÊNG DÈ SỬA NHÀ

Siêng năng tiết kiệm để yên ổn cửa nhà,

禁止奢華

Cấm chỉ xa hoa,
CẤM NGĂN XA HOA

Ngăn ngừa sự xa hoa hoang phí,

須防後用

Tu phòng hậu dụng.
NÊN PHÒNG SAU DÙNG

Nên dành dụm tiền của, để phòng sau này dùng đến.

**Sửa mình phải ít đường thị dục,
Kiệm với cần là gốc tề gia,
Trong nhà cấm chỉ xa hoa,
Để dành tiền của sau ta tiêu dùng.**

得榮思辱

Đắc vinh tư nhục,
ĐƯỢC VINH NGHĨ NHỤC

Được khi vinh dự vẻ vang phải nghĩ đến lúc sa cơ tủi nhục,

居安思危

Cư an tư nguy,
Ở YÊN NGHĨ NGUY

Cuộc sống bình yên phải nghĩ phòng khi nguy biến,

道高德重

Đạo cao đức trọng,
ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG

Người quý ở nhân cách đạo đức,

不恥弊衣

Bất sỉ tệ y.
CHẲNG THẺN RÁCH ÁO

Chẳng phải hổ thẹn vì cái bề ngoài áo quần xấu xí.

Được khi vinh nên phòng khi nhục,

Được lúc yên nghĩ lúc nguy nan,

Đạo cao đức trọng vẻ vang,

Mặc manh áo cũ rách toang thẹn gì.

積穀防饑

Tích cốc phòng cơ,
CHỨA THÓC PHÒNG ĐÓI

Tích chứa thóc gạo phòng khi đói kém,

積衣防寒

Tích y phòng hàn,
CHỨA ÁO PHÒNG RÉT

Tích chứa áo quần phòng khi rét mướt,

儉則常足

Kiệm tắc thường túc,
DÈ THỜI THƯỜNG ĐỦ

Tiết kiệm thường tự thấy đầy đủ,

靜則常安

Tĩnh tắc thường an.
LẶNG THỜI THƯỜNG YÊN

Điềm đạm thường được yên vui.

Chứa thóc để phòng khi đói kém,
Chứa áo quần phòng trong buổi lạnh lùng,
Sẻn thời thường được đủ dùng,
Tĩnh thời thân thể được cùng yên vui.

謹 備 防 奸

Cẩn bị phòng gian,
CẨN BỊ PHÒNG GIAN

Cẩn thận cảnh giác đề phòng kẻ gian,

養 子 防 老

Dưỡng tử phòng lão.
NUÔI CON PHÒNG GIÀ

Nuôi con trông cậy lúc tuổi già.

事 親 既 孝

Sự thân kỳ hiếu,
THỜ THÂN ĐÀ HIẾU

Mình phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo,

子 亦 孝 之

Tử diệc hiếu chi.
CON CŨNG HIẾU Đấy

Sau con mình cũng sẽ hiếu thảo với mình như thế.

**Cẩn bị đề phòng người gian xảo,
Nuôi con phòng thân lão, tuổi già,**

**Ta mà hiếu với mẹ cha,
Con ta lại hiếu với ta sau này.**

奉養禮儀

Phụng dưỡng lễ nghi,
THỜ NUÔI LỄ PHÉP

Đạo phụng dưỡng báo hiếu cha mẹ,

莫避汙穢

Mạc ty ô uế.
CHẲNG KIÊNG DƠ BẮN

Phải chăm sóc chu đáo không nề hà dơ bẩn.

父母尚在

Phụ mẫu thượng tại,
CHA MẸ HẪY CÒN

Khi cha mẹ già còn sống,

不可遠遊

Bất khả viễn du.
CHẲNG NÊN XA CHƠI

Không nên đi những nơi quá xa.

Phải thờ phụng đêm ngày tận lễ,
Dám sự đâu ô uế nề hà,
Thềm cao xuân cỗi huyên già,
Làm con chó có phương xa chơi bời.

身體髮膚

Thân thể phát phu,
THÂN THỂ TÓC DA

Bản thân ta từ cơ thể đến tóc da,

受之父母

Thụ chi phụ mẫu,
CHỊU CHUNG CHA MẸ

Nhận lấy từ cha mẹ,

不敢毀傷

Bất cảm hủy thương,
CHẲNG DÁM HỦY HẠI

Phải biết giữ gìn, không để hủy hại,

孝之始也

Hiếu chi thủy dã.
HIẾU CHUNG ĐẦU VẬY

Đó là điều đầu tiên của đạo Hiếu.

Mấy da tóc trong người thân thể,
Chính mẹ cha sinh đẻ ra ta,
Giữ đừng hủy hoại thân ta,
Mới hay Hiếu đạo đó là đầu tiên.

立身行道

Lập thân hành đạo,
DỰNG MÌNH LÀM ĐẠO

Lập thân hành đạo,

(Lập thân: tu dưỡng, học tập cho nên người có tài có đức. Hành đạo: chỉ việc thực hiện chủ trương chính trị, hệ thống tư tưởng của bản thân).

揚名於後

Dương danh ư hậu,
NÚC TIẾNG CHUNG SAU

Rạng danh ở đời sau,

以顯父母

Dĩ hiển phụ mẫu,
ĐỂ VẺ CHA MẸ

Làm vẻ vang cha mẹ,

孝之終也

Hiếu chi chung dã.
HIẾU CHUNG CUỐI VẬY

Đó là điều trọn vẹn của đạo Hiếu.

Lập thân cốt lưu truyền đạo lý,
Vang tiếng tăm âm ỹ gần xa,
Vẻ vang được cả mẹ cha,
Mới hay Hiếu đạo đó là lớn thay.



欲 和 上 下

Dục hòa thượng hạ,
MUỐN HÒA TRÊN DƯỚI
Muốn hòa thuận với mọi người,

忍 字 為 先

Nhẫn tự vi tiên.
CHỮ NHẪN LÀM TRƯỚC

Phải lấy chữ Nhẫn làm đầu, biết nhường nhịn nhau.

**Muốn trên dưới đó đây hòa thuận,
Phải lấy ngay chữ Nhẫn làm đầu,**

君 臣 忍 之

Quân thần nhẫn chi,

VUA TÔI NHẪN ĐẤY

Vua tôi nhẫn nhịn nhau,

(Nay hiểu là: Nhà Nước và nhân dân đồng lòng chung sức)

國 勢 保 全

Quốc thế bảo toàn;

THẾ NƯỚC GIỮ VỆ

Thế nước được giữ yên;

父 子 忍 之

Phụ tử nhẫn chi,

CHA CON NHẪN ĐẤY

Cha con nhẫn nhịn nhau,

自 全 其 道

Tự toàn kỳ đạo;

TỰ VỆ THỪA ĐẠO

Tự giữ trọn đạo nhà;

Vua tôi nhẫn, nước bền lâu,
Cha con nhẫn, được ơn sâu vẹn tròn.

兄弟忍之

Huynh đệ nhẫn chi,
ANH EM NHẪN ĐẤY
Anh em nhẫn nhịn nhau,

家中無害

Gia trung vô hại;
TRONG NHÀ KHÔNG HẠI
Trong nhà không xảy ra điều gì có hại;

夫婦忍之

Phu phụ nhẫn chi,
CHỒNG VỢ NHẪN ĐẤY
Vợ chồng nhẫn nhịn nhau,

令子不孤

Linh tử bất cô;
KHIẾN CON KHÔNG CÔI
Con cái không bơ vơ cô cút;

Vợ chồng nhẫn, khỏi con nheo nhóc,
Anh em cùng nhẫn nhục nhà yên.

朋 友 忍 之

Bằng hữu nhẫn chi,
BÈ BẠN NHẪN ĐẤY
Bạn bè nhẫn nhịn nhau,

其 情 不 疎

Kỳ tình bất sơ;
THỪA TÌNH CHẴNG XA
Tình nghĩa càng thân thiết;

自 身 忍 之

Tự thân nhẫn chi,
TỰ MÌNH NHẪN ĐẤY
Tự mình biết nhẫn nhịn,

人 人 愛 樂

Nhân nhân ái lạc.
NGƯỜI NGƯỜI YÊU VUI

Sẽ được mọi người vui vầy yêu mến.

Bạn bè nhẫn, nghĩa giao bền,
Tự mình nhẫn được, người bền mến yêu.

家中賭博

Gia trung đồ bác,
TRONG NHÀ CỜ BẠC

Trong nhà chứa cờ bạc sát phạt nhau,

男女皆惡

Nam nữ giai ác;
TRAI GÁI ĐỀU HƯ

Con cái sẽ hư hỏng;

家中有琴

Gia trung hữu cầm,
TRONG NHÀ CÓ ĐÀN

Trong nhà đàn hát sênh ca, chơi bời quá đà,

女子必淫

Nữ tử tất dâm;
CON GÁI ẮT DÂM

Con gái sẽ hư thân dâm ô;

Nhà bài bạc, con đều hư hỏng,
Cả gái trai lêu lổng một đoàn,
Véo von tiếng hát cung đàn,
Xui đàn son phấn, mê đường nguyệt hoa.

家 中 有 棋

Gia trung hữu kỳ,
TRONG NHÀ CÓ CỜ

Nhà ham mê đánh cờ, tìm thế tính nước,

男 子 必 衰

Nam tử tất suy;
CON TRAI ẮT SUY

Con trai sẽ suy bại, tinh thần sút kém;

家 中 有 制

Gia trung hữu chế,
TRONG NHÀ CÓ PHÉP

Trong nhà có nề nếp, có khuôn phép dạy bảo,

男 女 守 禮

Nam nữ thủ lễ.
TRAI GÁI GIỮ LỄ

Con trai con gái biết giữ lễ phép.

Cờ điểm nước la đà du đẳng,
Bỏ việc nhà, thêm nhãng học hành,
Sao bằng dạy lấy quy trình,
Cả nhà đều biết tập tành lễ nghi.

人而無禮

Nhân nhi vô lễ,
NGƯỜI MÀ VÔ LỄ

Người mà không biết lễ phép,

安可謂賢

An khả vị hiền,
SAO THỂ RẰNG HIỀN

Sao có thể cho rằng đó là người hiền,

百行為先

Bách hạnh vi tiên,
TRĂM NẾT LÀM TRƯỚC

Đứng đầu tất cả trăm nét,

惟禮與孝

Duy lễ dữ hiếu.
DUY LỄ VÀ HIẾU

Chỉ có “lễ” và “hiếu”.

禮孝

事 無 大 小

Sự vô đại tiểu,
VIỆC KHÔNG TO NHỎ
Việc không cứ to hay nhỏ,

不 可 爭 衡

Bất khả tranh hành,
CHẲNG NÊN TRANH GIÀNH
Chẳng nên tranh giành, cãi cọ, tị nạnh nhau,

財 產 分 明

Tài sản phân minh,
CỦA CẢI CHIA RÕ
Của cải tài sản phải rành mạch rõ ràng,

均 給 群 眾

Quân cấp quần chúng.
ĐỀU CHO MỌI NGƯỜI
Chia cho mọi người sao cho đều và đúng.

Nhà bất cứ việc gì lớn nhỏ,
Giữ êm đềm đừng có tranh giành,
Tiền tài điền sản phân minh,
Phận ai phận ấy, riêng mình đừng tham.

莫愛珠玉

Mạc ái châu ngọc,
CHỚ YÊU CHÂU NGỌC

Đừng yêu chuộng châu báu ngọc ngà,

愛子孫賢

Ái tử tôn hiền.
YÊU CON CHÁU HIỀN

Yêu con cháu ngoan hiền.

和睦為先

Hòa mục vi tiên,
HÒA THUẬN LÀM TRƯỚC

Cư xử với mọi người lấy việc “hòa thuận” làm đầu,

誠為好俗

Thành vi hảo tục.
THỰC LÀM THÓI TỐT

Đối xử “thành thực” với nhau là nếp sống tốt đẹp.

Dẫu vàng ngọc chẳng ham chẳng báu,
Quý báu thay con cháu thảo hiền,
Lấy điều hòa mục đầu tiên,
“Thực” là thói tốt lưu truyền xưa nay.

婚姻擇配

Hôn nhân trạch phối,
HÔN NHÂN CHỌN SÁNH
Việc hôn nhân chọn đôi lứa,

先看家風

Tiên khán gia phong,
TRƯỚC XEM THÓI NHÀ
Trước xem nề nếp gia đình,

清潔閨房

Thanh khiết khuê phòng,
TRONG SẠCH KHUÊ PHÒNG
Phòng the sạch sẽ,

主饋蘋藻

Chủ quỹ tần tảo.
CHỦ QUỸ TẦN TẢO
Nội trợ đảm đang.

Đến hôn giá việc này chọn kỹ,
So lứa đôi phải nghĩ gia phong,
Kén người tiết sạch giá trong,
Cho làm chủ quỹ ở trong gia đình.

寡言謹厚

Quả ngôn cẩn hậu,
ÍT NÓI CẨN HẬU

Nói ít, cẩn thận trung hậu,

執順唱隨

Chấp thuận xướng tùy,
GIỮ THEO XƯỚNG TÙY

Giữ theo đạo phu xướng phụ tùy (chồng bảo vợ theo),

德行表儀

Đức hạnh biểu nghi,
ĐỨC NẾT NÊU GƯƠNG

Đức hạnh gương mẫu,

不須顏色

Bất tu nhan sắc.
KHÔNG CẦN NHAN SẮC

Không cần sắc đẹp.

Nói năng ít, tính tình cẩn chắc,
Biết thuận tòng phép tắc xướng tùy,
Quý hồ đức hạnh uy nghi,
Cứ gì da phấn, cứ gì mặt hoa.

子 資 母 德

Tử tư mẫu đức,
CON NHỜ MẸ ĐỨC

Nhờ đức của mẹ, con trai nên người,

女 出 宮 妃

Nữ xuất cung phi,
GÁI RA CUNG PHI

Con gái lấy chồng danh giá,

子 孝 孫 慈

Tử hiếu tôn từ,
CON HIẾU CHÁU HIỀN

Có con hiếu thảo sẽ có cháu ngoan hiền,

妻 賢 子 貴

Thê hiền tử quý.
VỢ HIỀN CON QUÝ

Vợ là người hiền đức sẽ có con quý hiển.

Con nhờ mẹ hiền hòa để đức,
Gái lấy chồng đáng bậc cung phi,
Một nhà vinh hiển ai bì,
Con hiền cháu thảo cũng vì vợ ngoan.

孽妻敗嗣

Nghịch thê bại tữ,
ÁC VỢ BẠI DÒNG

Vợ ác nghịch sẽ lui bại dòng giống con cháu đời sau,

妒婦亂家

Đố phụ loạn gia,
GHEN VỢ LOẠN NHÀ

Vợ ghen tuông tất sẽ loạn nhà,

巧譎是邪

Xảo quyết thị tà,
KHÉO QUYẾT LÀ TÀ

Khéo léo xảo quyết là loại gian tà,

驕訛是詐

Kiêu ngoa thị trá.
KIÊU NGOA LÀ DỐI

Kiêu ngạo điêu ngoa là loại dối trá.

Vợ cay nghịch, kém đường tự lực,
Vợ ghen tuông, lục đục trong nhà,
Ngoa thì trá, quyết thì tà,

婦人內助

Phụ nhân nội trợ,
NGƯỜI VỢ NỘI TRỢ

Việc nội trợ trong nhà thường do người phụ nữ lo toan,

盛衰之由

Thịnh suy chi do.
THỊNH SUY ĐẮY BỞI

Nhà thịnh hay suy phần lớn bởi nguyên nhân từ đó.

賢女敬夫

Hiền nữ kính phu,
GÁI HIỀN KÍNH CHỒNG

Gái hiền thực kính chồng,

癡人畏婦

Si nhân úy phụ.
KẺ NGU SỢ VỢ

Trai ngu si sợ vợ.

Thịnh suy thường ở đàn bà gây nên.

31

**Trai si ngốc chịu hèn hãi vợ,
Gái hiền hòa biết sợ kính chồng.**

不正之女

Bất chính chi nữ,
CHẲNG CHÍNH CHUNG GÁI
Gái không chung thủy [với chồng],

羞以為妻

Tu dĩ vi thê;
THẸN LẤY LÀM VỢ
Thật hổ thẹn mang tiếng là người vợ;

不忠之人

Bất trung chi nhân,
CHẲNG TRUNG CHUNG NGƯỜI
Người không trung thành [với nước],
(Cố ý vi phạm Pháp Luật, hại nước, hại dân...)

羞以為臣

Tu dĩ vi thần.
THẸN LẤY LÀM TÔI
Thật hổ thẹn mang tiếng là người công dân [nước Việt].

**Gái hư chồng cũng sượng sùng,
Tôi hư, vua dầu có dùng, thẹn thay!**

女之守節

Nữ chi thủ tiết,
GÁI CHUNG GIỮ TIẾT

Phụ nữ giữ gìn tiết hạnh,

猶士守身

Do sĩ thủ thân,
NHƯ SĨ GIỮ MÌNH

Khác gì người chí sĩ giữ thanh danh,

賢妻家寶

Hiền thê gia bảo,
VỢ HIỀN NHÀ BÁU

Vợ hiền là của báu trong nhà,

賢臣國珍

Hiền thần quốc trân.
TÔI HIỀN NƯỚC QUÝ

Người tài đức là châu ngọc của đất nước.

Con gái phải giữ ngay một tiết,
Cũng như người hào kiệt giữ mình,
Vợ hiền, báu của gia đình,
Tôi hiền, báu của triều đình quốc gia.

男 貴 忠 勤

Nam quý trung cần,
TRAI QUÝ NGAY CHĂM

Con trai quý ở ngay thẳng chăm chỉ,

女 貴 貞 順

Nữ quý trinh thuận.
GÁI QUÝ TRINH THUẬN

Con gái quý ở chung thủy thuận hòa.

教 婦 初 來

Giáo phụ sơ lai,
DẠY VỢ MỚI VỀ

Bảo ban dẫn dắt vợ ngay từ lúc mới lấy nhau,

教 子 嬰 孩

Giáo tử anh hài.
DẠY CON BÉ THƠ

Dạy dỗ con ngay từ khi chập chững thơ ngây.

34

Trai ngay thẳng thật thà cần mẫn,
Gái kiên trinh hiếu thuận một bề.

35

Dạy dâu từ thuở mới về,
Dạy con từ lúc hài đề mới sinh.

慾 不 可 縱

Dục bất khả túng,
HẠM KHÔNG KHÁ BUÔNG

Dục vọng không nên phóng túng buông thả,

慾 縱 成 災

Dục túng thành tai;
HẠM BUÔNG THÀNH HẠI

Buông thả dục vọng sẽ trở thành tai họa;

樂 不 可 極

Lạc bất khả cực,
VUI KHÔNG NÊN QUÁ

Cuộc vui đừng để quá đà,

樂 極 生 哀

Lạc cực sinh ai.
VUI QUÁ SINH BUỒN

Vui quá đà sẽ sinh ra buồn khổ.

**Buông lòng dục sẽ thành tai vạ,
Quá vui chơi sẽ hóa buồn rầu.**

女 勿 貪 財

Nữ vật tham tài,
GÁI CHỖ THAM CỦA

Con gái đừng tham lam tiền của,

男 勿 好 色

Nam vật hiếu sắc,
TRAI CHỖ HÁM SẮC

Con trai chớ ham mê sắc đẹp,

色 易 殺 人

Sắc dị sát nhân,
SẮC DỄ GIẾT NGƯỜI

Sắc đẹp dễ trở thành nguyên nhân giết người,

財 易 殺 身

Tài dị sát thân.
CỦA DỄ GIẾT MÌNH

Tiền của dễ trở thành nguyên nhân giết mình.

Gái đừng tham của tham giàu,
Trai đừng tham luyến những màu nguyệt hoa,
Hoa nguyệt giết người ta như bốn,
Của cải nhiều vạ lớn cho mình.

術詐遺之

Thuật trá di chi,
THUẬT DỐI ĐỂ ĐẤY

Những người để lại lối sống mưu mẹo dối trá,

子孫者亡

Tử tôn giả vong;
CON CHÁU ẤY SUY

Con cháu hấp thụ lối sống đó, tất sẽ bị suy vong;

道德遺之

Đạo đức di chi,
ĐẠO ĐỨC ĐỂ ĐẤY

Những người để lại cách sống thật thà đạo đức,

子孫者昌

Tử tôn giả hưng.
CON CHÁU ẤY THỊNH

Con cháu noi theo phong cách đó, tất sẽ được hưng thịnh.

**Lấy điều lừa dối để dành,
Thời con cháu có yên lành được đâu,
Điều đạo đức về sau để lại,
Con cháu nhà mãi mãi vẻ vang.**

本 固 枝 長

Bản cố chi trường,
GỐC BỀN CÀNH DÀI

Gốc có vững chắc, cành mới vươn dài,

流 傳 萬 代

Lưu truyền vạn đại,
LƯU TRUYỀN MUÔN ĐỜI

Để lưu truyền đến muôn đời sau,

不 孝 有 三

Bất hiếu hữu tam,
BẤT HIẾU CÓ BA

Có ba điều phạm vào bất hiếu,

(1/Lúc cha mẹ sống không hiếu kính, 2/Lúc chết không chôn cất, 3/Không có con nối dõi, khi bản thân chết rồi không có người thờ cúng tổ tiên ông bà cha mẹ mình),

無 後 為 大

Vô hậu vi đại.
KHÔNG SAU LÀM LỚN

Người xưa quan niệm:

Không có con nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất.

**Gốc bền, cành lá nở nang,
Muôn đời nối dõi giàu sang còn nhiều,
Tội bất hiếu ba điều trong luật,
Không có con, nặng nhất đã đành.**

有親不愛

Hữu thân bất ái,
CÓ THÂN KHÔNG YÊU

Có cha mẹ mà không yêu thương phụng dưỡng,

有兄不敬

Hữu huynh bất kính,
CÓ ANH CHẲNG KÍNH

Có anh chị mà không quý mến kính trọng,

求其弟聽

Cầu kỳ đệ thính,
ĐÒI THỬA EM NGHE

Lại muốn con em nghe lời,

豈可得乎

Khởi khả đắc hồ?
HÁ KHÁ ĐƯỢC Ư

Sao có thể được?

Không yêu, không quý cha anh,
Mong con em kính yêu mình được sao?

賢

子 果 賢 矣

Tử quả hiên hĩ,
CON THỰC HIỀN VẬY

Nếu con cháu ngoan hiền,

今 雖 貧 賤

Kim tuy bần tiện,
NAY DẦU NGHÈO HÈN

Tuy ngày nay nghèo khó,

後 必 富 貴

Hậu tất phú quý;
SAU ẤT GIÀU SANG

Nhưng sau sẽ giàu sang;

善

子 不 肖 矣

Tử bất tiểu hỹ,
CON BẮT TIỂU VẬY

Nếu con cháu hư hỏng,

今 雖 富 貴

Kim tuy phú quý,
NAY DẦU GIÀU SANG

Tuy ngày nay giàu có,

後 必 貧 賤

Hậu tất bần tiện.
SAU ẮT NGHÈO HÈN

Nhưng sau sẽ nghèo hèn.

Con chẳng hiền, nay có mai nghèo.

骨肉貧者

Cốt nhục bần giả,

XUONG THỊT NGHÈO ẤY

Anh em ruột thịt dầu nghèo túng,

情不可疎

Tình bất khả sơ;

TÌNH CHẲNG NÊN XA

Tình nghĩa chớ nên nhạt phai xa lánh;

他人富者

Tha nhân phú giả,

KHÁC NGƯỜI GIÀU ẤY

Người ta dầu giàu sang phú quý,

心不可惡

Tâm bất khả ố.

LÒNG CHẲNG NÊN GHEN

Trong lòng không nên ghen ghét.

Người nhà, nghèo cũng thân yêu,
Người ngoài giàu có không điều ghét ghen.

敬

取重於人

Thủ trọng ư nhân,
LẤY TRỌNG CHUNG NGƯỜI
Tôn trọng mọi người,

是重其身

Thị trọng kỳ thân.
LÀ TRỌNG THỬA MÌNH
Chính là tôn trọng mình.

**Khắp nhân chúng ta nên kính trọng,
Trọng người ta là trọng bản thân.**

莫效小人

Mạc hiệu tiểu nhân,
CHỚ ĐUA TIỂU NHÂN

Đừng đua đòi loại tiểu nhân,

惡人勝己

Ố nhân thắng kỷ,
GHÉT NGƯỜI HƠN MÌNH

Hay ghen ghét những người hơn mình,

可效君子

Khả hiệu quân tử,
NÊN NOI QUÂN TỬ

Nên noi gương người quân tử,

(Quân tử: Có nhiều nghĩa, nói chung là chỉ người có đạo đức, nhân cách thanh cao. Ở đây nói đến người rộng lượng, phân biệt với tiểu nhân là người bụng dạ nhỏ nhen, hay thù vặt).

成人之美

Thành nhân chi mỹ.
NÊN NGƯỜI CHUNG TỐT

Giúp cho người làm nên việc tốt.

**Đừng nên bắt chước tiểu nhân,
Ghen người tài đức có phần hơn ta,
Phải bắt chước những nhà đúng mực,
Ai muốn hay, giúp sức cho nên.**

苟 無 野 人

Cầu vô dã nhân,
VÍ KHÔNG QUÊ NGƯỜI

Ví như không có người dân thường,

莫 養 君 子

Mạc dưỡng quân tử;
CHẲNG NUÔI QUÂN TỬ

Thì chẳng ai [trồng lúa, v.v...] nuôi người quân tử;
(*Quân tử: ở đây chỉ người hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục, v.v..., phân biệt với dã nhân là người quê, chỉ người dân thường nói chung*).

苟 無 君 子

Cầu vô quân tử,
VÍ KHÔNG QUÂN TỬ

Ví như không có người quân tử,

莫 治 野 人

Mạc trị dã nhân.
CHẲNG TRỊ QUÊ NGƯỜI

Thì chẳng ai quản lý, dạy bảo, chăm lo cho người dân thường.

**Dựa nhau kẻ dưới người trên,
Bên nuôi người cũng như bên dạy người.**

居 必 擇 鄰

Cư tất trạch lân,
Ở ẤT CHỌN XÓM

Chọn nơi có hàng xóm tốt mà ở,

交 必 擇 友

Giao tất trạch hữu,
CHƠI ẤT CHỌN BẠN

Chọn bạn tốt mà chơi,

患 難 相 救

Hoạn nạn tương cứu,
HOẠN NẠN CỨU NHAU

Gặp khi hoạn nạn cứu giúp nhau,

過 失 相 規

Quá thất tương quy.
LÀM LỖI KHUYÊN NHAU

Thấy khi làm lỗi, lấy lẽ phải chân tình khuyên nhau.

Ở chọn xóm, chơi bởi chọn bạn,
Chữa sai lầm, giúp hoạn nạn chung.

用人勿疑

Dụng nhân vật nghi,
DÙNG NGƯỜI CHỜ NGỜ

Đã dùng người chờ có nghi ngờ,

疑人勿用

Nghi nhân vật dụng,
NGỜ NGƯỜI CHỜ DÙNG

Người không đáng tin cậy thì đừng dùng,

用人不謹

Dụng nhân bất cẩn,
DÙNG NGƯỜI KHÔNG CẨN

Không thận trọng trong việc dùng người,

害隨而至

Hại tùy nhi chí.
HẠI THEO MÀ ĐẾN

Dùng nhầm người sẽ có ngày mang họa.

Ngờ ai thì chờ nên dùng,
Dùng ai thì chờ đem lòng hồ nghi,
Dùng không khéo ân thì hóa oán,
Sẽ xảy ra tai nạn đến ngay.

小人失意

Tiểu nhân thất ý,
TIỂU NHÂN TRÁI Ý

Kẻ tiểu nhân lòng dạ nhỏ nhen, khi không được vừa ý,

起為仇讐

Khởi vi cừ thù.
DẤY LÀM CỪ THÙ

Thường sinh lòng thù hằn.

小人自驕

Tiểu nhân tự kiêu,
TIỂU NHÂN TỰ KIÊU

Kẻ tiểu nhân kiêu căng ngạo mạn,

恃才矜己

Thị tài căng kỳ.
CẬY TÀI KHOE MÌNH

Thường khoác lác khoe tài cậy giỏi.

Tiểu nhân lòng dễ đổi thay,
Hễ mà thất ý, sinh ngay thù hằn.

Lại còn thói kiêu căng hách dịch,

無 惡 小 人

Vô ố tiểu nhân,
KHÔNG GHÉT TIỂU NHÂN

Người có tấm lòng nhân ái, không ghét kẻ tiểu nhân,

是 為 君 子

Thị vi quân tử,
ẤY LÀ QUÂN TỬ

Đó mới thực sự là bậc quân tử rộng lượng,

財 上 分 明

Tài thượng phân minh,
CỦA TRÊN CHIA RÕ

Người mà tiền bạc phân minh chuẩn chỉ,

是 為 丈 夫

Thị vi trượng phu.
ẤY LÀ TRƯỢNG PHU

Xứng đáng là đáng trượng phu đáng hoàng.

Quân tử không thêm trách tiểu nhân,
Tiền tài rành rọt từng phân,
Trượng phu giữ vững tinh thần cao siêu.

貧 而 無 諂

Bần nhi vô siểm,
NGHÈO MÀ KHÔNG NỊNH
Dầu nghèo khó không xu nịnh,

富 而 無 驕

Phú nhi vô kiêu,
GIÀU MÀ KHÔNG KIÊU
Dù giàu có không kiêu ngạo,

清 貧 常 樂

Thanh bần thường lạc,
TRONG NGHÈO THƯỜNG VUI
Nghèo thanh bạch thường có niềm vui,

濁 富 多 憂

Trọc phú đa ưu.
ĐỤC GIÀU NHIỀU LO
Giàu ô trọc sẽ nhiều lo âu.

Giàu nghèo chẳng siểm kiêu cũng khó,
Thanh bần vui, trọc phú thường lo.

勿恃富貴

Vật thị phú quý,
CHỚ CẬY GIÀU SANG

Chớ cậy mình giàu sang phú quý,

自輕其貧

Tự khinh kỳ bần,
TỰ KHINH THỪA NGHÈO

Mà coi khinh những người nghèo khó,

恃富輕貧

Thị phú khinh bần,
CẬY GIÀU KHINH NGHÈO

Kẻ cậy mình giàu có, coi khinh người nghèo khó,

守錢虜耳

Thủ tiền lỗ nhĩ!
GIỮ TIỀN NÔ VẬY

Chỉ là kẻ nô lệ canh giữ tiền mà thôi!

**Khinh người, giữ của bo bo,
Chỉ là một đứa coi kho, giữ vàng.**

窮人勿罵

Cùng nhân vật mạ,
CÙNG NGƯỜI CHÓ MẮNG

Người cùng quần, đừng mắng chửi,

窮寇勿追

Cùng khấu vật truy,
CÙNG GIẶC CHÓ ĐUỔI

Giặc cướp cùng đường, chó truy đuổi,

鳥窮則飛

Điều cùng tắc phi,
CHIM CÙNG THỜI BAY

Con chim tới bước đường cùng sẽ bay mất,

犬窮則吠

Khuyển cùng tắc phệ.
CHÓ CÙNG THỜI CẢN

Con chó tới bước đường cùng sẽ quay lại cắn.

Đừng mắng kẻ cùng đường cơ nhỡ,
Giặc cùng đường cũng chó đuổi theo,
Chim cùng tìm lối bay cao,
Chó cùng quay lại cắn liềm tứ tung.

人貪財死

Nhân tham tài tử,
NGƯỜI THAM CỦA CHẾT

Con người tham của, có ngày sẽ chết vì của cải,

鳥貪食亡

Điểu tham thực vong.
CHIM THAM ĂN CHẾT

Con chim tham ăn, có ngày sẽ chết vì miếng mồi.

饑寒切身

Cơ hàn thiết thân,
ĐÓI RÉT THIẾT MÌNH

Con người khi gặp cảnh ngộ đói rét cùng quần,

不顧廉恥

Bất cố liêm sỉ.
CHẲNG ĐOÁI NGAY THẸN

Thường chẳng còn đoái hoài tới lễ nghĩa liêm sỉ.

**Người tham của khó lòng thoát chết,
Chim tham mồi cũng hết đường bay,
Than ôi! đói rét thân này,
Đoái gì liêm sỉ, dạn dày làm thình.**

自 先 責 己

Tự tiên trách kỷ,
TỰ TRƯỚC TRÁCH MÌNH
Tự trách mình trước,

而 後 責 人

Nhi hậu trách nhân.
MÀ SAU TRÁCH NGƯỜI
Rồi sau mới trách đến người.

含 血 噴 人

Hàm huyết phún nhân,
NGẬM MÁU PHUN NGƯỜI
Ngậm máu phun người,

先 汙 其 口

Tiên ô kỳ khẩu.
TRƯỚC BẨN THỬA MIỆNG
Miệng mình bẩn trước.

Thân mình phải tự mình chỉ trích,
Rồi về sau sẽ trách người ngoài,
Ta mà ngậm máu phun người,
Miệng ta trước đã vị hoai bẩn nhơ.

惡言出口

Ác ngôn xuất khẩu,
ÁC LỜI RA MIỆNG

Miệng nói ra những lời hiểm ác,

凶神鑒臨

Hung thần giám lâm;
DỮ THẦN SOI TỚI

Sẽ có hung thần soi tới;

善念於心

Thiện niệm ư tâm,
LÀNH NGHĨ CHUNG LÒNG

Trong lòng nghĩ về điều thiện,

吉祥自現

Cát tường tự hiện.
TỐT LÀNH TỰ HIỆN

Điềm tốt lành sẽ tự nhiên theo đến.

Lời nói ác thốt ra cửa miệng,
Có hung thần theo đến xét ngay,
Trong lòng nghĩ được điều hay,
Cát thần cũng ứng hiện ngay điềm lành.

積善逢善

Tích thiện phùng thiện,
CHÚA LÀNH GẶP LÀNH

Tích lũy việc thiện sẽ gặp điều lành,

積惡逢惡

Tích ác phùng ác,
CHÚA DỮ GẶP DỮ

Tích lũy việc ác sẽ gặp điều dữ,

仔細思量

Tử tế tư lượng,
KỸ LƯỜNG NGHĨ LƯỜNG

Có đáng soi xét kỹ càng,

天地不錯

Thiên địa bất thác.
TRỜI ĐẤT KHÔNG NHẦM

Đó là trời đất phán xét chẳng nhầm.

**Sự báo ứng rành rành nhẽ phải,
Mình làm ra đền lại cho mình,
Ác gặp ác, lành gặp lành,
Nghĩ xem giờ đất tỉnh tỉnh chẳng nhầm.**

仁 厚 逢 厚

Nhân hậu phùng hậu,
NHÂN HẬU GẶP HẬU

Người nhân hậu sẽ gặp người nhân hậu,

處 處 相 逢

Xứ xứ tương phùng;
NƠI NƠI CÙNG GẶP

Dù bất cứ nơi nào cũng gặp;

謀 深 禍 深

Mưu thâm họa thâm,
MƯU SÂU VẠ SÂU

Mưu sâu kế hiểm hại người, sẽ gặp tai họa khó lường,

冤 冤 相 報

Oan oan tương báo.
OAN OAN CÙNG BÁO

Oan có đầu, nợ có chủ, oán thù cùng báo.

Nhân hậu với mưu thâm phân biệt,
Ân báo ân, oan nghiệt báo oan,

善有善報

Thiện hữu thiện báo,
LÀNH CÓ LÀNH BÁO

Người lương thiện sẽ có điều tốt lành đáp lại,

惡有惡報

Ác hữu ác báo,
DỮ CÓ DỮ BÁO

Kẻ hung ác sẽ có điều ác nghiệt quả báo,

若還不報

Nhược hoàn bất báo,
NẾU CÒN KHÔNG BÁO

Nếu điều thiện ác vẫn không báo trả,

時辰未到

Thời thần vị đáo.
THỜI GIỜ CHƯA ĐẾN

Đó chỉ là thời gian chưa tới mà thôi.

Có khi chậm một thời gian,
Là theo giờ phút tuần hoàn sớm trưa,

種瓜得瓜

Chủng qua đắc qua,
TRỒNG DƯA ĐƯỢC DƯA
Trồng dưa sẽ thu hoạch dưa,

種豆得豆

Chủng đậu đắc đậu,
TRỒNG ĐẬU ĐƯỢC ĐẬU
Trồng đậu sẽ thu hoạch đậu,

天網恢恢

Thiên võng khôi khôi,
TRỜI LƯỚI RỘNG LỚN
Lưới trời lồng lộng,

疎而不漏

Sơ nhi bất lậu.
THỪA MÀ KHÔNG LỘT
Tuy thừa mà không lọt.

Trồng dưa đậu, được dưa được đậu,
Lưới giời thưa chẳng lọt một người.

皇天不負

Hoàng thiên bất phụ,
ÔNG TRỜI KHÔNG PHỤ
Trời cao không phụ công,

有讀書人

Hữu độc thư nhân;
CÓ ĐỌC SÁCH NGƯỜI
Những người chăm chỉ học hành;

皇天不負

Hoàng thiên bất phụ,
ÔNG TRỜI KHÔNG PHỤ
Trời cao không phụ tấm lòng,

有道心人

Hữu đạo tâm nhân;
CÓ ĐẠO LÒNG NGƯỜI
Những người sống có đạo đức;

Trời kia chẳng phụ chi ai,
Một người chăm học, hai người có tâm.

皇天不負

Hoàng thiên bất phụ,

ÔNG TRỜI KHÔNG PHỤ

Trời cao không phụ tấm lòng,

有好心人

Hữu hảo tâm nhân.

CÓ TỐT LÒNG NGƯỜI

Những người tốt bụng, hay giúp đỡ mọi người.

傷人之語

Thương nhân chi ngữ,

HẠI NGƯỜI CHUNG LỜI

Lời nói không tốt làm hại người khác,

反傷其身

Phản thương kỳ thân,

LẠI HẠI THỬA MÌNH

Ngược lại rồi sẽ làm hại chính mình.

**Những lời nói ngấm ngầm ngang trái,
Muốn hại người lại hại ngay mình,**

用心不良

Dụng tâm bất lương,
DÙNG LÒNG KHÔNG LÀNH

Trong lòng mưu toan điều xấu hại người,

豈無果報

Khởi vô quả báo?
HÁ KHÔNG QUẢ BÁO

Chẳng lẽ lại không bị quả báo hay sao?

父母行惡

Phụ mẫu hành ác,
CHA MẸ LÀM ÁC

Cha mẹ làm điều xấu ác,

遺禍子孫

Di họa tử tôn.
ĐỂ VẠ CON CHÁU

Sẽ để lại tai vạ cho con cháu.

**Dụng tâm làm việc chẳng lành,
Há không ác báo rành rành hay sao?
Cha mẹ đã làm nhiều điều xấu,
Vạ lây cho con cháu về sau.**



禍 福 無 門

Họa phúc vô môn,
VÀ PHÚC KHÔNG CỬA

“Họa” hay “phúc” không tự nhiên đến nhà ai cả,

惟 人 自 召

Duy nhân tự triệu.
CHỈ NGƯỜI TỰ VỜI

Chỉ do người tự vời đến.

**Biết đâu phúc họa là đâu,
Tự ta ta sẽ bắc cầu mà noi,**

欲 知 禍 福

Dục tri họa phúc,
MUỐN BIẾT VÀ PHÚC
Muốn biết họa phúc ra sao,

先 看 兒 孫

Tiên khán nhi tôn,
TRƯỚC XEM CON CHÁU
Trước hãy nhìn xem con cháu thế nào,

自 家 而 知

Tự gia nhi tri,
TỰ NHÀ MÀ BIẾT
Tự xét thấy nhà mình mà biết,

何 必 問 誰

Hà tất vấn thùy?
SAO ẮT HỎI AI
Cần gì phải hỏi ai?

Gương con cháu để soi phúc họa,
Ta hỏi ta, ta chẳng hỏi ai.

刻 深 太 甚

Khắc thâm thái thậm,
NGHIỆT SÂU QUÁ LẮM
Người sống hà khắc cay nghiệt,

沉 病 難 醫

Trầm bệnh nan y,
NẶNG BỆNH KHÓ CHỮA
Lâu rồi sinh bệnh trầm trọng khó chữa,

煩 慮 多 思

Phiền lự đa tư,
RẠM LƠ NHIỀU NGHĨ
Người hay lo nghĩ quá nhiều,

心 神 勞 竭

Tâm thần lao kiệt.
TÂM THẦN NHỌC KIẾT
Lâu ngày tinh thần, sức lực sẽ hao tổn suy kiệt.

**Những người sâu sắc nước đời,
Khi mang bệnh nặng, khó bài thuốc thang,
Cả ngày chỉ tính bàn mưu kế,
Hải tinh thần kiệt quệ nhọc nhằn,**

陰謀嫁禍

Âm mưu giá họa,
NGẦM MUU ĐỔ VẠ

Toan tính âm mưu đổ vạ hại người,

暗有鬼神

Ám hữu quỷ thần;
TỐI CÓ QUỶ THẦN

Nên nhớ luôn có quỷ thần ngầm giám sát;

益己害人

Ích kỷ hại nhân,
ÍCH MÌNH HẠI NGƯỜI

Vì lợi ích cho mình mà làm hại người khác,

明有王憲

Minh hữu vương hiến.
SÁNG CÓ VUA PHÉP

Nên biết trên đời còn có pháp luật.

Làm điều hiểm độc bất nhân,
Ở trong bóng tối, quỷ thần sáng soi,
Làm những sự hại người, ích kỷ,
Có phép công trừng trị rõ ràng,

人心如鐵

Nhân tâm như thiết,
NGƯỜI LÒNG NHƯ SẮT

Lòng người tuy cứng rắn như sắt,

官法如爐

Quan pháp như lô,
QUAN PHÉP NHƯ LÒ

Nhưng pháp luật lại như lò lửa nung,

文法不孤

Văn pháp bất cô,
VĂN PHÉP KHÔNG RIÊNG

Pháp luật không thiên vị riêng ai,

殺人者死

Sát nhân giả tử.
GIẾT NGƯỜI ẤY CHẾT

Tội giết người phải chết.

Lòng người như sắt, như gang,
Phép quan như thể lò than lửa hồng,
Văn án lấy phép công mà xử,
Tội giết người xử tử không tha.

人 無 遠 慮

Nhân vô viễn lự,
NGƯỜI KHÔNG XA LO

Người không lo xa nghĩ rộng,

必 有 近 憂

Tất hữu cận ưu.
ẮT CÓ GẦN LO

Tất sẽ xảy ra những sự việc lo phiền gần.

謹 則 無 憂

Cẩn tắc vô ưu,
CẨN THỜI KHÔNG LO

Cẩn thận thì không bị lo phiền,

忍 則 無 辱

Nhẫn tắc vô nhục.
NHẪN THỜI KHÔNG NHỤC

Nhẫn nhịn thì không bị nhục.

58

Làm người không biết lo xa,
Tất nhiên có sự xảy ra lo gần.

59

Biết cẩn thận, khỏi phần lo ngại,
Biết nhịn nhường khỏi phải nhục mình.

人間囚獄

Nhân gian tù ngục,

NGƯỜI KHOẢNG TÙ NGỤC

Nơi tù ngục trong cõi nhân gian,

還是無良

Hoàn thị vô lương;

LẠI LÀ KHÔNG LÀNH

Gồm những người [hoặc do đời này hoặc do kiếp trước] bất lương;

天下公侯

Thiên hạ công hầu,

THIÊN HẠ CÔNG HẦU

Bậc công hầu quyền quý trong thiên hạ,

皆由有德

Giai do hữu đức.

ĐỀU BỞI CÓ ĐỨC

Đều vốn là người [hoặc đời này hoặc từ kiếp trước] sống có đạo đức.

**Những người tù ngục tội tình,
Đều vì ăn ở chẳng lành xui nên,
Còn những bậc người trên sang trọng,
Đều là người đức vọng vẹn tròn.**

近朱者赤

Cận chu giả xích,
GẦN SON ẤY ĐỎ

Gần son thì đỏ,

近墨者黑

Cận mặc giả hắc.
GẦN MỰC ẤY ĐEN

Gần mực thì đen.

賢德之人

Hiền đức chi nhân,
HIỀN ĐỨC CHUNG NGƯỜI

Người hiền lành đạo đức,

親而近之

Thân nhi cận chi,
THÂN MÀ GẦN ĐÂY

Nên gần gũi chơi thân,

Gần son thì đỏ như son,
Gần hòn mực, phải như hòn mực đen.

終 自 有 益

Chung tự hữu ích;
SAU TỰ CÓ ÍCH

Sau tự nhiên có ích;

凶 惡 之 人

Hung ác chi nhân,
HUNG ÁC CHUNG NGƯỜI

Kẻ xấu xa hung ác,

斥 而 遠 之

Xích nhi viễn chi,
LÁNH MÀ XA ĐẤY

Phải tìm cách lánh xa,

終 自 免 禍

Chung tự miễn họa.
SAU TỰ KHỎI HỌA

Sau tránh khỏi tai họa.

Gần người thiện trở nên ích lợi,
Xa kẻ xấu tránh khỏi tai nạn.

愛賢如蘭

Ái hiên như lan,
YÊU HIỀN NHƯ LAN

Yêu người hiền như hoa lan,

畏惡如虎

Úy ác như hổ.
SỢ ÁC NHƯ HỔ

Sợ kẻ ác như hổ dữ.

城中失火

Thành trung thất hỏa,
THÀNH TRONG BỊ LỬA

Trong thành bị cháy,

禍及池魚

Họa cập trì ngư.
VẠ ĐẾN AO CÁ

Vạ lây tới cá dưới ao.

Yêu người hiền tựa hoa lan,
Ghét phường hung ác như đàn hùm tinh.

62

Một mớ lửa trong thành gây vạ,
Vạ lây cho đến cá dưới ao.

危邦不入

Nguy bang bất nhập,
NGUY NƯỚC KHÔNG VÀO

Không nên đến đất nước có nguy hiểm,

亂邦不居

Loạn bang bất cư,
LOẠN NƯỚC KHÔNG Ở

Không nên ở đất nước loạn lạc,

兵革之間

Binh cách chi gian,
BINH GIÁP CHUNG KHOẢNG

Sống trong vùng chiến tranh nguy hiểm,

守身為大

Thủ thân vi đại.
GIỮ MÌNH LÀM LỚN

Quan trọng nhất là giữ tính mạng, [chớ tiếc vật ngoài thân].

Nước nguy đừng bước chân vào,
Cũng đừng ở một nước nào loạn ly,
Chốn binh lửa một khi qua lại,
Chớ coi thường, cốt phải giữ mình.

小利若貪

Tiểu lợi nhược tham,
NHỎ LỢI NẾU THAM
Nếu tham cái lợi nhỏ,

不成大事

Bất thành đại sự;
KHÔNG NÊN LỚN VIỆC
Việc lớn sẽ không thành;

小事不忍

Tiểu sự bất nhẫn,
NHỎ VIỆC KHÔNG NHỊN
Việc nhỏ mà không nhẫn nhịn,

必亂大謀

Tất loạn đại mưu.
ẮT RỐI LỚN MƯU
Tất sẽ phá hỏng mưu sự lớn.

Nếu tham lợi nhỏ tỉnh tỉnh,
Tất là việc lớn tầy đình chẳng xong,
Công việc nhỏ mà không nín nhịn,
Mưu mô to hẫng đến rối ren.

利 不 可 獨

Lợi bất khả độc,
LỢI KHÔNG NÊN MỘT

Lợi lộc không nên hưởng một mình,

獨 利 則 仇

Độc lợi tắc cừu;
MỘT LỢI THỜI THÙ

Một mình hưởng lợi sẽ bị người thù ghét;

謀 不 可 眾

Mưu bất khả chúng,
MƯU KHÔNG NÊN NHIỀU

Mưu sự không nên bàn tính với nhiều người,

眾 謀 則 泄

Chúng mưu tắc tiết.
NHIỀU MƯU THỜI LỘ

Nhiều người biết thì mưu sự sẽ bị tiết lộ.

Lợi chung đừng có nên riêng,
Mình riêng cầu lợi tất nhiên tan tành,
Mưu việc kín một mình mình biết,
Bàn đông người sẽ tiết lộ ra.

成事不說

Thành sự bất thuyết,
XONG VIỆC CHẴNG NÓI

Việc đã xong không nên nói đi nói lại,

意莫強求

Ý mạc cường cầu.
Ý CHỚ CƯỠNG CẦU

Điều khó thực hiện theo ý mình, đừng cố làm.

足無妄走

Túc vô vọng tẩu,
CHÂN KHÔNG CÀN CHẠY

Chân tay nhàn rồi, chớ có chơi bời dông dài,

人無妄交

Nhân vô vọng giao,
NGƯỜI KHÔNG CÀN CHƠI

Người không ra gì, chớ có giao du bừa bãi,

**Việc đừng kể chuyện đã qua,
Ý đừng miễn cưỡng hóa ra cơ cầu,
Đừng đàn đúm bạn bầu kẻ xấu,
Đừng dông dài bôn tẩu lần mò,**

食 無 求 飽

Thực vô cầu bão,
ĂN KHÔNG CẦU NO

Người quân tử: Ăn không cầu được no thừa,

居 無 求 安

Cư vô cầu an.
Ở KHÔNG CẦU YÊN

Ở không cầu được sung sướng.

無 起 爭 端

Vô khởi tranh đoan,
KHÔNG DẤY TRANH MỐI
Không gây gổ tranh giành.

無 鬪 口 舌

Vô đấu khẩu thiệt.
KHÔNG ĐẤU MIỆNG LƯỠI

Không tranh đua cãi cọ,

Ăn đừng cố ý cầu no,
Ở đừng cố ý cầu cho yên lành,
Đừng gây mối tranh giành phải trái,
Đừng điều đi tiếng lại sự sinh.

於 我 善 者

Ư ngã thiện giả,
VỚI TA TỐT ẤY
Người ta đối với mình tốt,

我 亦 善 之

Ngã diệc thiện chi;
TA CŨNG TỐT ĐẤY
Mình phải đối tốt với người ta;

於 我 惡 者

Ư ngã ác giả,
VỚI TA XẤU ẤY
Người ta đối với mình xấu,

我 亦 善 之

Ngã diệc thiện chi,
TA CŨNG TỐT ĐẤY
Mình vẫn đối tốt với người ta.

Người ta đối đãi với mình,
Lành thì ta giả lại lành cho ngang,
Nếu gặp kẻ phũ phàng tàn tệ,
Ta cứ nên tử tế hiền lành,

我有善念

Ngã hữu thiện niệm,
TA CÓ TỐT NGHĨ

Trong tâm ta nghĩ điều lương thiện,

天必隨之

Thiên tất tùy chi,
TRỜI ẮT THEO ĐẤY

Ông trời sẽ theo giúp ta,

彼既爲惡

Bỉ ký vi ác,
KIA ĐÃ LÀM ÁC

Kẻ kia làm những việc ác,

有惡人治

Hữu ác nhân trị.
CÓ ÁC NGƯỜI TRỊ

Sẽ có người ác trừng trị.

Lòng mình mình tự tin mình,
Tấm son đã sẵn giờ xanh cũng chiều,
Kìa những kẻ làm điều hung ác,
Sẽ gặp tay người khác không tha.

聞人之謗

Văn nhân chi bàng,
NGHE NGƯỜI CHUNG GIỀM

Dẫu nghe thấy những lời nói gièm pha chê bai,

口不足言

Khẩu bất túc ngôn;
MIỆNG KHÔNG ĐÁNG NÓI

Hãy giữ miệng, coi như chẳng có gì đáng phải nói lại;

聞人之惡

Văn nhân chi ố,
NGHE NGƯỜI CHUNG GHÉT

Dẫu nghe thấy những lời nói ghen ghét xúc phạm,

心不足怒

Tâm bất túc nộ.
LÒNG KHÔNG ĐÁNG GIẬN

Cũng chẳng đáng để trong lòng phải bực bội.

**Miệng đừng nói xấu người ta,
Lòng đừng giận kẻ gièm pha chê mình.**

惡人勿罵

Ác nhân vật mạ,
DỮ NGƯỜI CHÓ MẮNG
Chớ mắng chửi kẻ hung dữ,

窮人勿言

Cùng nhân vật ngôn,
CÙNG NGƯỜI CHÓ NÓI
Chớ nói nặng kẻ cùng đường,

若爭鬪間

Nhược tranh đấu gian,
NẾU TRANH ĐẤU KHOẢNG
Nếu can dự vào vòng tranh giành đấu đá,

是無智慮

Thị vô trí lự.
ẤY KHÔNG TRÍ LO
Là người không khôn khéo, suy nghĩ nông cạn.

Kẻ hung ác đừng khinh, đừng mắng,
Cũng không nên nói nặng kẻ cùng,
Nếu còn tranh của, tranh công,
Là không khôn khéo lại không lo lường.

君子謹微

Quân tử cẩn vi,
QUÂN TỬ CẨN NHỎ

Người quân tử cẩn thận từ việc rất nhỏ,

慎其言語

Thận kỳ ngôn ngữ,
GÌN THỪA NÓI LỜI

Thận trọng từng lời nói,

不干己事

Bất can kỷ sự,
KHÔNG CAN MÌNH VIỆC

Việc không liên quan đến mình,

莫可當頭

Mạc khả đương đầu,
CHẲNG NÊN ĐƯƠNG ĐẦU

Đừng có đương đầu xen vào.

Người quân tử cẩn đường ngôn ngữ,
Khi chuyện trò phải giữ từng câu,
Việc người ta chớ đương đầu,

無益之言

Vô ích chi ngôn,
KHÔNG ÍCH CHUNG LỜI

Những câu nói không mang lại ích lợi gì,

自休著口

Tự hưu trước khẩu.
TỰ THÔI RA MIỆNG

Thì giữ mồm giữ miệng chớ có nói ra.

寡言擇交

Quả ngôn trạch giao,
ÍT NÓI CHỌN CHƠI

Người khiêm tốn ít nói, nên chọn mà chơi,

多言勿結

Đa ngôn vật kết,
NHIỀU NÓI CHỚ KẾT

Người khoác lác nói nhiều, chớ có kết bạn,

Những điều vô ích không hâu nói qua.

**Nghe lời nói, để ta đoán xét,
Người lắm điều đừng kết bạn chơi,**

多言是譎

Đa ngôn thị quyết,
NHIỀU NÓI LÀ QUYẾT

Khoác lác nói nhiều là người xảo quyết,

寡言是忠

Quả ngôn thị trung.
ÍT NÓI LÀ NGAY

Khiêm tốn ít nói là người ngay thẳng.

一言不中

Nhất ngôn bất trúng,
MỘT NÓI KHÔNG ĐÚNG

Một lời nói không đúng, không đáng tin,

千言無用

Thiên ngôn vô dụng.
NGHÌN NÓI KHÔNG DÙNG

Thì nghìn lời nói trở thành vô dụng.

Một lời nói chẳng tin rồi,
Trăm nghìn lời cũng là lời bỏ đi.

讒言勿信

Sàm ngôn vật tín,
GIỀM LỜI CHỖ TÍN

Đừng tin những lời gièm pha nói xấu người khác,

反側勿行

Phản trắc vật hành,
TRÁO TRỞ CHỖ LÀM

Đừng làm những việc tráo trở trái lương tâm,

去食去兵

Khứ thực khứ binh,
BỎ ĂN BỎ BINH

Bỏ việc ăn chơi, bỏ việc đao binh,

信不可去

Tín bất khả khứ.
TÍN KHÔNG NÊN BỎ

Không thể bỏ chữ “tín”. (*Tín: thành thực*).

Lời ton hót tin gì sàm báng,
Làm những điều phản gián sao đành,
Bỏ việc ăn, bỏ việc binh,
Bỏ điều thành tín của mình sao đành.

察其言語

Sát kỳ ngôn ngữ,
XÉT THỬA LỜI NÓI

Xét lời nói để đánh giá tính cách,

觀其眸子

Quan kỳ mâu tử,
XEM THỬA CON NGƯỜI

Xem người con mắt để phân biệt lòng người,

白眼者凶

Bạch nhãn giả hung,
TRẮNG MẮT ẤY ÁC

Mắt trắng dã là người xấu xa hung ác,

黑眼者善

Hắc nhãn giả thiện.
ĐEN MẮT ẤY THIỆN

Mắt đen láy là người hiền lành lương thiện.

Nghe lời nói, trông lên con mắt,
Đen là lành, trắng ắt là hung.

有心無相

Hữu tâm vô tướng,
CÓ TÂM KHÔNG TƯỚNG

Người tuy “tướng” hình không đẹp, nhưng có “tâm” tốt,

相隱心生

Tướng ẩn tâm sinh;
TƯỚNG ẨN TÂM SINH

Thì “tướng” sẽ ẩn theo “tâm” mà biểu hiện ra ngoài,
phong thái đàng hoàng, tươi vui;

有相無心

Hữu tướng vô tâm,
CÓ TƯỚNG KHÔNG TÂM

Người tuy “tướng” hình đẹp dễ, nhưng “tâm” xấu,

相隨心滅

Tướng tùy tâm diệt.
TƯỚNG THEO TÂM MẤT

Thì “tướng” cũng sẽ theo “tâm” mà bị diệt,
mất dần vẻ đẹp, trở nên cau có, tiều tụy.

**Tâm điên có, tướng mạo không,
Dần dần tướng ở trong lòng sinh ra,
Tướng mạo có, lòng ta không có,
Tướng theo tâm rồi đó mất ngay.**

順德者昌

Thuận đức giả xương,
THUẬN ĐỨC ẤY THỊNH

Thuận theo đạo đức sẽ thịnh vượng,

逆德者亡

Nghịch đức giả vong.
TRÁI ĐỨC ẤY MẤT

Trái ngược đạo đức sẽ suy vong.

舌柔能存

Thiệt nhu năng tồn,
LƯỠI MỀM HAY CÒN

Lưỡi mềm thường còn mãi,

齒剛則折

Xỉ cương tắc chiết.
RĂNG CỨNG THỜI GỠ

Răng tuy cứng mà vẫn gãy.

Thuận đường đức nghĩa thì hay,
Trái đường đức nghĩa tới ngày diệt vong.

君子遇貧

Quân tử ngộ bần,
QUÂN TỬ GẶP NGHÈO

Người quân tử gặp cảnh nghèo khó,

守其禮義

Thủ kỳ lễ nghĩa.
GIỮ THỬA LỄ NGHĨA

Luôn giữ khuôn phép lễ nghĩa.

小人乍富

Tiểu nhân sạ phú,
TIỂU NHÂN CHỢT GIÀU

Kẻ tiểu nhân vừa mới giàu có,

自妄輕人

Tự vọng khinh nhân.
TỰ CÀN KHINH NGƯỜI

Tự ngạo mạn khinh rẻ mọi người.

Người quân tử, tấm lòng quân tử,
Gặp lúc nghèo vẫn giữ lễ nghi,
Tiểu nhân giàu xổi một thì,
Buông lòng túng tứ, nhiều khi khinh người.

飲食之人

Ẩm thực chi nhân,
UỐNG ĂN CHUNG NGƯỜI
Những người ham ăn tục uống,

人皆賤之

Nhân giai tiện chi;
NGƯỜI ĐỀU KHINH ĐẤY
Đều bị mọi người coi thường;

好利之人

Hiếu lợi chi nhân,
HÁM LỢI CHUNG NGƯỜI
Những người tham của hám lợi,

人皆惡之

Nhân giai ố chi.
NGƯỜI ĐỀU GHÉT ĐẤY
Đều bị mọi người khinh ghét.

**Ham ăn uống, còn người nào trọng,
Hiếu lợi kia, người cũng ghét hoài.**

情

頻 來 易 疎

Tần lai dị sơ,
NĂNG LẠI DỄ XA

Qua lại nhiều quá, dễ sinh nhạt nhẽo coi thường nhau,

久 坐 易 厭

Cửu tọa dị yếm.
LÂU NGỒI DỄ CHÁN

Ngồi chơi lâu quá, dễ làm cho người ta chán ghét.

Ưa gì những kẻ ngồi dai,
Thân gì những kẻ vắng lại nhiều lần.

以 小 人 心

Dĩ tiểu nhân tâm,
LẤY TIỂU NHÂN LÒNG

Đem “lòng” kẻ tiểu nhân,

度 君 子 腹

Đạc quân tử phúc,
ĐO QUÂN TỬ BỤNG
Để đo “bụng” người quân tử,

君 子 所 為

Quân tử sở vi,
QUÂN TỬ THỬA LÀM
Những việc làm của người quân tử,

小 人 不 識

Tiểu nhân bất thức.
TIỂU NHÂN KHÔNG BIẾT
Kẻ tiểu nhân không thể hiểu được.

Lòng quân tử, tiểu nhân dò xét,
Công việc làm dễ biết được đâu.

聖人積德

Thánh nhân tích đức,

THÁNH NHÂN CHỨA ĐỨC

Bậc thánh nhân tích đức (làm việc thiện giáo dục cảm hóa người, làm chính sự có ích cho đời), (*Thánh nhân: ở đây chỉ người có phẩm đức và trí tuệ rất cao, được coi là mẫu mực cho xã hội*)

不積其財

Bất tích kỳ tài;

KHÔNG CHỨA THỪA CỦA

Không tích lũy của cải vật chất;

君子謀道

Quân tử mưu đạo,

QUÂN TỬ MƯU ĐẠO

Người quân tử mưu đạo (lo liệu chủ trương chính trị, hệ thống tư tưởng), (*Quân tử: ở đây chỉ người có tài đức xuất chúng*)

不謀其食

Bất mưu kỳ thực.

KHÔNG MƯU THỪA LỘC

Không mưu cầu bổng lộc (tiền lương tiền thưởng).

**Thánh nhân tích đức làm đầu,
Há rằng tích của làm giàu chắt chiu,
Người quân tử chỉ mưu về đạo,
Không phải mưu về gạo về tiền.**

非己之色

Phi kỷ chi sắc,
CHẲNG MÌNH CHUNG SẮC

Gái đẹp bên ngoài, không phải vợ mình,

君子不淫

Quân tử bất dâm;
QUÂN TỬ KHÔNG DÂM

Người quân tử đàng hoàng không say đắm;

非己之財

Phi kỷ chi tài,
CHẲNG MÌNH CHUNG CỦA

Vật chất bên ngoài, không phải của mình,

君子不取

Quân tử bất thủ,
QUÂN TỬ KHÔNG LẤY

Người quân tử đàng hoàng không chiếm lấy.

Vợ người dù đẹp như tiên,
Không bao giờ nghĩ quàng xiên dâm tà,
Tiền bạc của người ta cũng vậy,
Không tơ hào một mảy một phân,

不義而富

Bất nghĩa nhi phú,
BẤT NGHĨA MÀ GIÀU

Giàu có từ của cái bất nghĩa,

視如浮雲

Thị như phù vân.
COI NHƯ NỔI MÂY

Coi như đám mây nổi.

救急賑貧

Cứu cấp chẩn bần,
CỨU GẤP GIÚP NGHÈO

Cứu người khi nguy cấp, giúp người lúc nghèo khó,

寬則得眾

Khoan tắc đắc chúng.
RỘNG THỜI ĐƯỢC CHÚNG

Có tấm lòng rộng lượng sẽ được lòng mọi người.

Kẻ giàu bất nghĩa, bất nhân,
Cũng coi như áng phù vân giữa trời.

79

Cấp cứu nạn, giúp người cùng túng,
Lượng khoan dung dân chúng vui lòng.

平時講武

Bình thời giảng võ,
THỜI BÌNH GIẢNG VÕ

Sống trong thời thái bình nên giảng tập võ nghệ, rèn luyện thân thể,

亂世讀書

Loạn thế độc thư.
ĐỜI LOẠN ĐỘC SÁCH

Sống trong đời loạn lạc nên đọc sách, trau dồi nhân nghĩa.

君子見幾

Quân tử kiến cơ,
QUÂN TỬ THẤY CƠ

Người quân tử thấy điềm báo trước khi sự việc phát sinh,

不俟終日

Bất sĩ chung nhật.
CHẲNG ĐỢI HẾT NGÀY

Nhanh chóng xử trí, không chần chừ đợi đến hết ngày.

**Thời bình tập giảng binh nhung,
Gặp khi thời loạn, gắng công sách đèn,
Quân tử thấy rồi ren sắp tới,
Đứng dậy ngay chẳng đợi qua ngày.**

窮 中 必 達

Cùng trung tất đạt,
CÙNG TRONG ẤT ĐẠT

Trong lúc bế tắc sẽ có cách giải quyết cho thông suốt,

否 極 泰 來

Bĩ cực thái lai.
BỈ TỐT THÁI LẠI

Thời vận xấu đến tốt cùng sẽ mở ra thời vận tốt.

但 患 無 才

Đãn hoạn vô tài,
CHỈ LO KHÔNG TÀI

Chỉ lo không có tài năng,

不 患 無 用

Bất hoạn vô dụng.
CHẲNG LO KHÔNG DÙNG

Chẳng lo không có chỗ dùng.

Tuần hoàn hết dở, đến hay,
Cuối hời bĩ cực, tới ngày thái lai,
Chỉ lo sợ ta tài hèn kém,
Chẳng lo đời không kén dùng ta,

事 無 妄 動

Sự vô vọng động,
VIỆC KHÔNG CẦN ĐỘNG

Công việc phải chu đáo, chớ có làm bừa,

心 無 妄 思

Tâm vô vọng tư.
TÂM KHÔNG CẦN NGHĨ

Trong lòng chớ nên nghĩ đến những điều sằng bậy.

官 不 在 愚

Quan bất tại ngu,
QUAN KHÔNG Ở NGU

Quan cao đâu tới kẻ ngu dốt,

富 不 在 懶

Phú bất tại lãn.
GIÀU KHÔNG Ở LƯỜI

Giàu sang đâu tới kẻ biếng lười.

Việc đừng cần rở làm qua,
Bụng đừng cần rở, nghĩ ra làm gì.

Quan nào phải ngu si những kẻ,
Giàu ở đâu những kẻ biếng lười.

自知分者

Tự tri phận giả,
TỰ BIẾT PHẬN ẤY

Tự biết bằng lòng với thân phận của mình,

不可怨人

Bất khả oán nhân;
KHÔNG NÊN OÁN NGƯỜI
Không nên oán trách người;

自知命者

Tự tri mệnh giả,
TỰ BIẾT MỆNH ẤY

Tự biết bằng lòng với vận mệnh của mình,

不可怨天

Bất khả oán thiên.
KHÔNG NÊN OÁN TRỜI
Không nên oán trách trời.

**Biết phận mình, chớ oán người,
Biết mệnh mình, chớ oán trời làm chi.**

知止常止

Tri chỉ thường chỉ,
BIẾT DỪNG THƯỜNG DỪNG

Sự việc đến lúc cần dừng lại, nên biết dừng lại,

終身不恥

Chung thân bất sỉ;
SUỐT ĐỜI KHÔNG HỔ

Suốt đời không bị hổ thẹn;

知足常足

Tri túc thường túc,
BIẾT ĐỦ THƯỜNG ĐỦ

Tự bằng lòng với những gì mình có, biết cho là đủ,

終身不辱

Chung thân bất nhục.
SUỐT ĐỜI KHÔNG NHỤC

Suốt đời không bị nhục.

**Biết thôi, cứ thôi đi là quý,
Trọn đời không chịu sỉ với ai,
Đủ rồi biết đủ thời thôi,
Trọn đời không phải lời thôi nhục nhằn.**

明明皇祖

Minh minh Hoàng Tổ,
RÕ RÀNG HOÀNG TỔ
Lời Hoàng Tổ còn rất rõ,

垂訓五目

Thùy huấn ngũ mục:
TRUYỀN DẠY NĂM MỤC
Truyền dạy năm điều:

內作色荒

Nội tác sắc hoang,
TRONG LÀM SẮC MÊ
- Trong mê đắm sắc dục,

外作禽荒

Ngoại tác cầm hoang,
NGOÀI LÀM CẦM MÊ
- Ngoài mê đắm săn bắn, chim muông, gà chọi,...

**Lời Hoàng Tổ khuyên răn trong sách,
Có năm điều minh bạch rõ ràng,
Một là sắc dục hoang toàng,
Hai là săn bắn mê man đêm ngày,**

甘 酒 嗜 音

Cam tửu, thị âm,
SAY RƯỢU Mê HÁT

- Nghiện ngập rượu chè, - Mê tới tiếng hát,

峻 宇 雕 牆

Tuấn vũ điêu tường,
CAO NHÀ CHẠM TƯỜNG

- Trang hoàng nhà cao tường chạm, xa hoa phô trương,

有 一 于 此

Hữu nhất vu thử,
CÓ MỘT CHUNG ẤY

Nếu ai phạm một điều trong số đó,

未 或 不 亡

Vị hoặc bất vong.
CHƯA CÓ KHÔNG MẤT

Thì chưa từng có người nào không bị suy vong.

Ba đắm rượu, bốn say âm nhạc,
Năm trang hoàng lầu gác rộng cao,
Trong năm điều, phạm điều nào,
Nước nào cũng mất, nhà nào cũng tan.



訓子義方

Huấn tử nghĩa phương,

DẠY CON NGHĨA PHÉP

Dạy con cháu biết lễ phải trái để làm người,

失孝者八

Thất hiếu giả bát:

TRÁI HIẾU ẤY TÁM

Có tám điều trái với đạo hiếu:

**Dạy con cháu nghĩa phương cốt yếu,
Có tám điều thất hiếu rành rành,**

縱身慵懶

Túng thân dung lãn,
BUÔNG MÌNH BIẾNG LƯỜI
- Sống buông thả lười nhác,

學問不勤

Học vấn bất cần,
HỌC HỎI KHÔNG SIÊNG
- Không chăm chỉ học hành,

賭博亡身

Đổ bạc vong thân,
CỜ BẠC QUÊN MÌNH
- Cờ bạc đông dài,

酒色爭鬪

Tửu sắc tranh đấu,
RƯỢU SẮC TRANH ĐÁNH
- Rượu chè, trai gái, tranh giành, đánh nhau,

Ham cờ bạc, bỏ học hành,
Say mê tửu sắc, tranh giành đánh nhau,

盜 偷 奔 走

Đạo thâu bôn tẩu,
TRỘM CẮP TRỐN CHẠY
- Trộm cắp trốn chạy,

爭 訟 敗 家

Tranh tụng bại gia,
TRANH KIẾN NÁT NHÀ
- Tranh giành kiện tụng gây nát nhà,

宗 族 不 和

Tông tộc bất hòa,
HỌ HÀNG KHÔNG HÒA
- Không hòa thuận với họ hàng gia tộc,

父 母 不 愛

Phụ mẫu bất ái.
CHA MẸ KHÔNG THƯƠNG
- Không yêu thương phụng dưỡng cha mẹ.

Theo trộm cướp đi đâu đi đấy,
Trong gia đình lại đầy tụng đoan,
Cửa nhà đại bại tan hoang,
Mẹ cha chẳng kính, họ hàng chẳng thân.

知過而改

Tri quá nhi cải,
BIẾT LỖI MÀ ĐỔI
Nhận ra lỗi lầm mà sửa đổi,

亦可謂賢

Diệc khả vị hiền,
CŨNG ĐÁNG RẰNG HIỀN
Cũng đáng được gọi là người hiền,

有過不改

Hữu quá bất cải,
CÓ LỖI KHÔNG SỬA
Có lỗi mà không chịu sửa đổi,

失孝尤大

Thất hiếu vuư đại.
TRÁI HIẾU CÀNG TỒ
Tội thất hiếu càng lớn.

Nếu nhầm lỗi biết dần sửa lại,
Con người kia cũng gọi khá thay,
Lỗi mà không đổi mảy may,
Trong điều bất hiếu tội này càng to.

教女之法

Giáo nữ chi pháp,

DẠY GÁI CHUNG PHÉP

Phương pháp dạy con gái,

先正其身

Tiên chính kỳ thân,

TRƯỚC NGAY THỬA MÌNH

Trước tiên phải giữ mình đứng đắn,

婦人妊娠

Phụ nhân nhâm thân,

ĐÀN BÀ CÓ MANG

Đàn bà trong lúc mang thai,

必忌多慾

Tất kỵ đa dục,

ẮT KIÊNG NHIỀU DỤC

Phải giữ gìn, nên ít quan hệ vợ chồng,

**Dạy con gái dạy cho chính đạo,
Cách sửa mình phải hiểu lễ nghi,
Đàn bà thai nghén tới kỳ,**

勿食惡肉

Vật thực ác nhục,
CHỚ ĂN BẮN THỊT

Chớ ăn thực phẩm ôi thiu kém chất lượng,

勿聽哀聲

Vật thính ai thanh,
CHỚ NGHE BUỒN TIẾNG

Chớ nghe tiếng buồn não bị thương,

正道而行

Chính đạo nhi hành,
NGAY ĐƯỜNG MÀ LÀM

Cứ theo đạo lý đúng đắn mà làm,

口無邪說

Khẩu vô tà thuyết.

MIỆNG KHÔNG GIAN NÓI

Miệng không nói lời gian dối bậy bạ.

Ăn gì ác nhục, nghe gì ác thanh,
Đi đường thẳng, đừng quanh lối tắt,
Đừng nói điều đơm đặt gian tà,

飲食失節

Ẩm thực thất tiết,
UỐNG ĂN TRÁI TIẾT

Nếu ăn uống không điều độ,

居處失常

Cư xử thất thường,
CƯ XỬ THẤT THƯỜNG

Cách sinh hoạt hàng ngày không bình thường,

外感內傷

Ngoại cảm nội thương,
NGOÀI CẢM TRONG THƯƠNG

Dễ bị ngoại cảm, nội thương,

病生多弊

Bệnh sinh đa tệ.
BỆNH SINH NHIỀU TỆ

Phát sinh nhiều chứng bệnh.

Bữa ăn, nơi ở thất hòa,
Nội thương, ngoại cảm sinh ra bệnh tình.

女子不學

Nữ tử bất học,
CON GÁI CHẲNG HỌC

Con gái không học,

不知禮義

Bất tri lễ nghĩa;
CHẲNG BIẾT LỄ NGHĨA

Không biết khuôn phép lễ nghĩa;

男子不學

Nam tử bất học,
CON TRAI CHẲNG HỌC

Con trai không học,

不知理事

Bất tri lý sự.
CHẲNG BIẾT LỄ VIỆC

Không biết phân biệt lẽ phải trái.

**Trai với gái học hành chẳng biết,
Nghĩa lý kia mờ mịt đó mà.**

讀書求理

Độc thư cầu lý,
ĐỌC SÁCH TÌM LỄ

Đọc sách để tìm cái lễ làm sao cho đúng,

造燭求明

Tạo chúc cầu minh,
LÀM ĐUỐC TÌM SÁNG
Làm đuốc để cầu ánh sáng,

子孫雖賢

Tử tôn tuy hiền,
CON CHÁU TUY HIỀN
Con cháu tuy rằng ngoan hiền,

不教不明

Bất giáo bất minh.
KHÔNG DẠY KHÔNG SÁNG
Không được dạy dỗ sẽ không hiểu biết.

Học hành cho sáng mắt ra,
Như gương bó đuốc cả nhà sáng choang,
Dẫu con cháu nét ngoan tài giỏi,
Chẳng bảo ban có giỏi được nao,

弓 劍 不 學

Cung kiếm bất học,
CUNG GƯƠM KHÔNG HỌC
Không học cung học kiếm,

不 知 張 舞

Bất tri trương vũ;
KHÔNG BIẾT GIƯƠNG MÚA
Sẽ không biết giương cung múa kiếm;

文 字 不 學

Văn tự bất học,
VĂN CHỮ KHÔNG HỌC
Không học chữ nghĩa văn chương,

不 知 畫 書

Bất tri họa thư;
KHÔNG BIẾT VẼ VIẾT
Sẽ không biết vẽ biết viết;

**Gươm không học, múa làm sao,
Cung không học, biết đẳng nào mà giương?
Thư với họa hai đường không học,
Vẽ sao nên, viết, đọc sao nên,**

藥性不學

Dược tính bất học,
THUỐC TÍNH KHÔNG HỌC
Không học dược tính,

不知醫方

Bất tri y phương;
KHÔNG BIẾT CHỮA PHÉP
Sẽ không biết cách chữa bệnh;

禮樂不學

Lễ nhạc bất học,
LỄ NHẠC KHÔNG HỌC
Không học lễ nhạc,

不知祭祀

Bất tri tế tự.
KHÔNG BIẾT TẾ CÚNG
Sẽ không biết tế lễ thờ cúng.

Y mà dược tính không quen,
Dược phương không biết khó nên ông thầy,
Lễ với nhạc xưa nay không đọc,
Tế tự kia, tịt ngóc biết gì.

萬頃良田

Vạn khoảnh lương điền,

MUÔN KHOẢNH TỐT RUỘNG

Dù được kế thừa gia tài điền sản hàng vạn thửa,

不如薄藝

Bất như bạc nghệ;

CHẲNG BẰNG MỘT NGHỀ

Cũng không bằng có một nghề nho nhỏ trong tay
để tự kiếm sống phòng khi cơ nhỡ;

千金遺子

Thiên kim di tử,

NGHÌN VÀNG ĐỂ CON

Ông cha dù có để lại nghìn vàng của cải,

不如一經

Bất như nhất kinh.

KHÔNG BẰNG MỘT SÁCH

Cũng không bằng một quyển [Minh Đạo Gia Huấn]
dạy cháu con thấm nhuần đạo lý làm người.

-
- 90 **Ruộng nhà muôn khoảnh nhiều phì,
Sao bằng nho nhỏ một nghề trong tay.
Cho con vàng một rương đầy,
Sao bằng cho quyển sách hay để dành.**



Cuộc sống có hàng trăm nghề

Phải lấy việc học làm đầu

Dù được kế thừa gia tài điền sản hàng vạn thừa

**Cũng không bằng có một nghề nho nhỏ trong tay
để tự kiếm sống phòng khi cơ nhở**

Ông cha dù có để lại nghìn vàng của cải

**Cũng không bằng một quyển [Minh Đạo Gia Huấn]
dạy cháu con thấm nhuần đạo lý làm người**

丁酉年冬

學佛弟子阮文權恭敬撰述

明道家訓 終				

卒

文字不學

藥性不學

禮樂不學

萬頃良田

千金遺子

不知畫書

不知醫方

不知祭祀

不如薄藝

不如一經

全
八

全
九

女子不學

男子不學

讀書求理

子孫雖賢

弓劍不學

不知禮義

不知理事

造燭求明

不教不明

不知張舞

辛

婦人妊娠

勿食惡肉

正道而行

飲食失節

外感內傷

必忌多慾

勿聽哀聲

口無邪說

居處失常

病生多弊

盜偷奔走

宗族不和

知過而改

有過不改

教女之法

爭訟敗家

父母不愛

亦可謂賢

失孝尤大

先正其身

甘酒嗜音

有一于此

訓子義方

縱身慵懶

賭博亡身

峻字雕牆

未或不亡

失孝者八

學問不勤

酒色爭鬪

自知命者

知止常止

知足常足

明明皇祖

內作色荒

不可怨天

終身不恥

終身不辱

垂訓五目

外作禽荒

全一

窮中必達

但患無才

事無妄動

全二

官不在愚

全三

自知分者

否極泰來

不患無用

心無妄思

富不在懶

不可怨人

全 九

非己之財	不義而富	救急賑貧	平時講武	君子見幾
------	------	------	------	------

君子不取	視如浮雲	寬則得衆	亂世讀書	不俟終日
------	------	------	------	------

卦六

以小人之心

卦七

君子所為
聖人積德

卦八

君子謀道
非己之色

度君子腹

小人不識

不積其財

不謀其食

君子不淫

七三

君子遇貧

小人乍富

飲食之人

七四

好利之人

七五

頻來易疎

守其禮義

自妄輕人

人皆賤之

人皆惡之

久坐易厭

白眼者凶

有心無相

有相無心

順德者昌

舌柔能存

黑眼者善

相隱心生

相隨心滅

逆德者亡

齒剛則折

多言是譎

一言不中

讒言勿信

去食去兵

察其言語

寡言是忠

千言無用

反側勿行

信不可去

觀其眸子

若爭鬪間

君子謹微

不干己事

無益之言

寡言擇交

是無智慮

慎其言語

莫可當頭

自休著口

多言勿結

我有善念

彼既為惡

聞人之謗

聞人之惡

惡人勿罵

天必隨之

有惡人治

口不足言

心不足怒

窮人勿言

足無妄走

食無求飽

無起爭端

於我善者

於我惡者

人無妄交

居無求安

無闕口舌

我亦善之

我亦善之

六十三

小利若貪

不成大事

六十四

小事不忍

必亂大謀

六十五

利不可獨

獨利則仇

謀不可衆

衆謀則泄

成事不說

意莫強求

斥而遠之

愛賢如蘭

城中失火

危邦不入

兵革之間

終自免禍

畏惡如虎

禍及池魚

亂邦不居

守身為大

卒

卒

人間囚獄

天下公侯

近朱者赤

賢德之人

終自有益

還是無良

皆由有德

近墨者黑

親而近之

凶惡之人

五九

五八

益己害人

人心如鐵

文法不孤

人無遠慮

謹則無憂

明有王憲

官法如爐

殺人者死

必有近憂

忍則無辱

欲知禍福

自家而知

刻深太甚

煩慮多思

陰謀嫁禍

先看兒孫

何必問誰

沉病難醫

心神勞竭

暗有鬼神

五十五

皇天不負

傷人之語

用心不良

父母行惡

禍福無門

有好心人

反傷其身

豈無果報

遺禍子孫

惟人自召

五十六

若還不報

種瓜得瓜

天網恢恢

皇天不負

皇天不負

時辰未到

種豆得豆

疎而不漏

有讀書人

有道心人

積善逢善

仔細思量

仁厚逢厚

謀深禍深

善有善報

積惡逢惡

天地不錯

處處相逢

冤冤相報

惡有惡報

五十二

饑寒切身

自先責己

含血噴人

惡言出口

善念於心

二十八

不顧廉恥

而後責人

先汙其口

凶神鑒臨

吉祥自現

辛

勿恃富貴

恃富輕貧

窮人勿罵

鳥窮則飛

人貪財死

自輕其貧

守錢虜耳

窮寇勿追

犬窮則吠

鳥貪食亡

四十八

小人自驕

無惡小人

財上分明

貧而無諂

清貧常樂

恃才矜己

是為君子

是為丈夫

富而無驕

濁富多憂

四十九

居必擇鄰

患難相救

用人勿疑

用人不謹

小人失意

交必擇友

過失相規

疑人勿用

害隨而至

起為仇讐

四十三

取重於人

四十四

莫效小人

四十五

可效君子

苟無野人

苟無君子

是重其身

惡人勝己

成人之美

莫養君子

莫治野人

子果賢矣

後必富貴

今雖富貴

骨肉貧者

他人富者

今雖貧賤

子不肖矣

後必貧賤

情不可疎

心不可惡

道德遺之

本固枝長

不孝有三

有親不愛

求其弟聽

子孫者昌

流傳萬代

無後為大

有兄不敬

豈可得乎

三九

四早

三六

慾不可縱

樂不可極

女勿貪財

三七

色易殺人

術詐遺之

三八

慾縱成災

樂極生哀

男勿好色

財易殺身

子孫者亡

不忠之人

女之守節

賢妻家寶

男貴忠勤

教婦初來

羞以為臣

猶士守身

賢臣國珍

女貴貞順

教子嬰孩

三

孽妻敗嗣

巧譎是邪

婦人內助

賢女敬夫

不正之女

三

癡人畏婦

盛衰之由

驕訛是詐

妒婦亂家

羞以為妻

清潔閨房

寡言謹厚

德行表儀

子資母德

子孝孫慈

主饋蘋藻

執順唱隨

不須顏色

女出宮妃

妻賢子貴

二十七

事無大小

二十八

財產分明

莫愛珠玉

二十九

和睦為先

婚姻擇配

不可爭衡

均給群眾

愛子孫賢

誠為好俗

先看家風

家中有琴

家中有棋

家中有制

人而無禮

百行為先

女子必淫

男子必衰

男女守禮

安可謂賢

惟禮與孝

兄弟忍之

夫婦忍之

朋友忍之

自身忍之

家中賭博

家中無害

令子不孤

其情不疎

人人愛樂

男女皆惡

立身行道

以顯父母

欲和上下

君臣忍之

父子忍之

揚名於後

孝之終也

忍字為先

國勢保全

自全其道

二十三

事親既孝

奉養禮儀

父母尚在

身體髮膚

不敢毀傷

二十四

子亦孝之

莫避汙穢

不可遠遊

受之父母

孝之始也

十二

十二

得榮思辱

道高德重

積穀防饑

儉則常足

謹備防奸

十二

居安思危

不恥弊衣

積衣防寒

靜則常安

養子防老

九

二

過闕則下

出入起居

言語飲食

修身寡慾

禁止奢華

過廟則趨

非禮不整

非禮不肅

勤儉齊家

須防後用

行者讓路	鄉黨止和	朋友止信	為夫止和	為兄止愛
------	------	------	------	------

耕者讓畔	鄰旁止讓	長幼止謙	為婦止順	為弟止恭
------	------	------	------	------

不知倫常

蜂蟻有主

三綱九疇

為君止敬

為父止慈

何異禽獸

況於人乎

古今不易

為臣止忠

為子止孝

十六

十七

開卷有益

博學廣問

不恥下問

獨學無友

人有五倫

志者竟成

其智益明

義理益精

孤陋寡聞

網常為首

十四

正心修身

士修於家

科目朝爵

貧而勤學

富而勤學

十五

齊家治國

自升於國

有讀書人

可以立身

益榮其名

幼而勤學

聽詩如聳

凡人不學

子孫愚分

倉廩空分

長則施行

望字如盲

冥如夜行

禮義全無

歲時乏食

教而後善

教亦不善

困而知之

有田不耕

有書不教

非賢而何

非愚而何

非智而何

倉廩空虛

子孫頑愚

八

養男不教

養女不教

訓導之初

不知問答

不教而善

九

十

四

不如養驢

不如養猪

先取禮法

是為愚粗

非聖而何

嚴師作成

可事如一

非君不榮

有道德者

無道德者

人有三情

非父不生

非師不成

子孫聰明

子孫愚昧

教而不嚴

學問不勤

後從先覺

學有三心

父母厚寔

乃師之惰

乃子之惡

鑑古知今

不可失一

子學勤敏

四

五

一

人生百藝

儒士是珍

古者聖賢

德行純和

養而不教

二

文學為先

詩書是寶

易子而教

擇為師友

乃父之過

三

一

學

丁酉年冬

學佛弟子

恭敬撰述

傳家萬事皆由忍

明道家訓

會本

教子千方不外勤

明道家訓
本會